

Số: /BC-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2024 của tỉnh được triển khai thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp; cạnh tranh chiến lược, chủ nghĩa bảo hộ, xu hướng liên kết mới trên thế giới, chiến tranh thương mại và xung đột vũ trang ngày càng khó lường, dẫn đến kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm lại. Ở trong nước, trong tỉnh, nền kinh tế tiếp tục phục hồi và đạt kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực; thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức vẫn rất lớn.

Trong bối cảnh đó, được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp, các ngành đã bám sát thực tiễn, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, bài bản các nhiệm vụ, giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực ngay từ đầu năm, với tinh thần “*Kỷ cương - Trách nhiệm - Hành động - Sáng tạo - Phát triển*”; cùng với sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực, cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2024 của tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển; cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kinh tế tiếp tục phát triển, nhiều chỉ tiêu tăng cao so với cùng kỳ

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 11,5%¹, đứng thứ 3 cả nước²; trong đó: nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,4%; công nghiệp - xây dựng tăng 17,9% (công nghiệp 21,1%; xây dựng 8,6%); dịch vụ tăng 7,2%; thuế sản phẩm tăng 3,6%.

1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt kết quả tích cực; tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân đạt 237,7 nghìn ha, tương đương với cùng kỳ; sản lượng lương thực ước đạt 893 nghìn tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ; trong đó, năng suất lúa ước đạt 67,5 tạ/ha, cao nhất từ trước đến nay; các hình thức

¹ GRDP sáu tháng đầu năm 2020 tăng 3,7%; năm 2021 tăng 8,66%; năm 2022 tăng 13,41%; năm 2023 tăng 7,0% và năm 2024 tăng 11,5% (trong đó, quý I/2024 tăng 12,7%; quý II tăng 10,4%).

² Sau Bắc Giang (14,14%) và Khánh Hòa (12,73%).

tổ chức sản xuất nông nghiệp tiếp tục được tập trung thực hiện³. Chăn nuôi tiếp tục phát triển; sản lượng các sản phẩm chăn nuôi chính đều tăng so với cùng kỳ⁴; không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm trên địa bàn; đã hoàn thành công tác tiêm phòng đợt 1 năm 2024, đạt 104,3% kế hoạch. Toàn tỉnh trồng mới được 6.100 ha rừng tập trung, bằng 61% KH, tăng 4,8%; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 494,5 nghìn m³, tăng 6,9%; an ninh rừng được đảm bảo⁵. Tổng sản lượng khai thác⁶ và nuôi trồng thủy sản ước đạt 106.892 tấn, bằng 50,2% KH⁷, tăng 2,4%. Trong 6 tháng đầu năm, có thêm 4 xã NTM, 13 xã NTM nâng cao và 09 xã NTM kiểu mẫu; 34 sản phẩm OCOP⁸. Công tác phòng, chống thiên tai được thực hiện nghiêm túc, thường trực 24/24 giờ.

1.2. Sản xuất công nghiệp mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng vẫn phát triển mạnh; tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm ước đạt 21,1%; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 15,8%; nhiều sản phẩm công nghiệp chủ yếu có sản lượng tăng so với cùng kỳ, như: quần áo may sẵn tăng 11,6%; giày thể thao tăng 15,9%; sắt thép các loại tăng 12,2%; xăng động cơ tăng 23,3%; dầu nhiên liệu tăng 33,9%; điện sản xuất tăng 43,9%; điện thương phẩm tăng 10,7%... Trong 6 tháng đầu năm, đã thành lập mới 02 cụm công nghiệp⁹ và khởi công xây dựng một số dự án công nghiệp trên địa bàn¹⁰. Đã hoàn thành công tác bồi thường GPMB dự án đường dây 500kV mạch 3 từ Quảng Trạch (Quảng Bình) đến Phố Nối (Hung Yên), sớm hơn thời hạn cam kết với Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, đã tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về hồ sơ, thủ tục, GPMB để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng lưới điện, truyền tải đoạn qua địa bàn tỉnh, nhất là dự án dự án đường dây 220kV Nậm Sum - Nông Cống.

Xây dựng phát triển khá; tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm ước đạt 8,6%. Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đầu tư, xây dựng được tăng cường¹¹; đã tập trung đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn; trong 6 tháng đầu năm, đã phê duyệt 39 nhiệm vụ, đề án quy hoạch xây dựng¹²; việc công bố chỉ số giá

³ Toàn tỉnh hiện có 1.386 doanh nghiệp, 768 hợp tác xã, 02 liên hiệp hợp tác xã, 995 trang trại, 1.266 tổ hợp tác trong nông nghiệp. Các nhà máy đã thu mua, chế biến 846,6 nghìn tấn mía nguyên liệu và 145,9 nghìn tấn tinh bột sắn; giá mía và sắn nguyên liệu đều tăng so với vụ trước (giá thu mua mía nguyên liệu tăng từ 125 - 155 nghìn đồng/tấn; giá sắn tăng 600 nghìn đồng/tấn). Đã chuyển đổi 772,4 ha đất trồng lúa hiệu quả kinh tế thấp sang trồng các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn; diện tích liên kết sản xuất gắn với bao tiêu sản phẩm các loại cây trồng: mía, sắn, ớt, khoai tây, cây thức ăn chăn nuôi, ngô ngọt, dưa bao tử,... đạt trên 45 nghìn ha; tích tụ tập trung đất đai được 4.092 ha, bằng 66% KH, nâng tổng diện tích đất đã tích tụ lên 53.899 ha.

⁴ Sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 151,3 nghìn tấn, tăng 5,8%; sản lượng trứng gia cầm ước đạt 145,4 triệu quả, tăng 9%; sản lượng sữa tươi ước đạt 21,2 nghìn tấn, tăng 9,6%.

⁵ Phát hiện và xử lý 114 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, giảm 07 vụ so với cùng kỳ, thu nộp NSNN 2,3 tỷ đồng.

⁶ Toàn tỉnh hiện có 6.052 tàu cá các loại, trong đó có 1.095 chiếc có chiều dài 15 m trở lên.

⁷ Trong đó: sản lượng nuôi trồng 37.803 tấn, tăng 4,4% và bằng 50,7% KH; sản lượng khai thác 69.089 tấn, tăng 1,3% và bằng 49,9% KH.

⁸ Ước đến hết 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh có 13 đơn vị cấp huyện và 364/465 xã NTM; 103 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 25 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 497 sản phẩm OCOP.

⁹ Cụm công nghiệp Thuận Lộc và cụm công nghiệp Minh Tiến.

¹⁰ Như: CCN phía Đông Bắc, thành phố Thanh Hóa; CCN Ngọc Vũ, huyện Thiệu Hóa; CCN Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân; Nhà máy dệt may Nam Ích Thái Thắng tại CCN Thái Thắng, huyện Hoằng Hóa...

¹¹ Đã kiểm tra nghiệm thu quá trình thi công XD 42 công trình; kiểm tra nghiệm thu hoàn thành 41 công trình.

¹² Gồm: 27 đề án; 05 nhiệm vụ; 07 đề án điều chỉnh cục bộ.

xây dựng hàng tháng được đảm bảo¹³. Thị trường bất động sản tiếp tục được tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy phát triển an toàn, bền vững.

1.3. Các ngành dịch vụ tiếp tục phát triển. Thương mại nội địa hoạt động sôi động, nguồn cung hàng hóa dồi dào, giá cả ổn định; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 6 tháng đầu năm ước đạt 94.392 tỷ đồng, bằng 50,2% KH, và tăng 12,9% so với cùng kỳ. Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng mạnh; giá trị xuất khẩu ước đạt 2.881,6 triệu USD, bằng 48% KH, tăng 21,9%; giá trị nhập khẩu ước đạt 5.612,7 triệu USD, tăng 30,8%.

Hoạt động du lịch diễn ra sôi động ngay từ đầu năm; tổng lượng khách du lịch 6 tháng ước đạt 9.780,6 nghìn lượt, bằng 70,9% KH, tăng 16,1% (trong đó khách quốc tế ước đạt 261 nghìn lượt, tăng 21,3%); tổng thu du lịch ước đạt 19.848,5 tỷ đồng, bằng 61,3% KH, tăng 30,2%. Vận chuyển hành khách ước đạt 12,3 triệu lượt, bằng 31,4% KH, tăng 11,8%; vận tải hàng hóa ước đạt 27,9 triệu tấn, bằng 39% KH, tăng 11,7%; xếp dỡ hàng hóa qua cảng ước đạt 29,8 triệu tấn, tăng 30,5%; doanh thu vận tải ước đạt 9.774,6 tỷ đồng, bằng 48,5% KH, tăng 13,8%. Trong 6 tháng đầu năm, đã có 3.128 lượt cất hạ cánh tại Cảng hàng không Thọ Xuân, vận chuyển 474.743 lượt hành khách, giảm 22,9%.

Doanh thu dịch vụ bưu chính, viễn thông ước đạt 2.685 tỷ đồng, bằng 50,6% KH, tăng 16,7%. Huy động vốn của các tổ chức tín dụng (không bao gồm Ngân hàng Phát triển) tăng 3,1% so với đầu năm; tổng dư nợ tăng 3,9%¹⁴; các tổ chức tín dụng đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho 360 lượt khách hàng với tổng giá trị nợ được cơ cấu là 1.430 tỷ đồng.

1.4. Thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 27.348 tỷ đồng, bằng 76,9% dự toán, tăng 29,6% so với cùng kỳ; trong đó, thu nội địa ước đạt 16.673 tỷ đồng¹⁵, bằng 75,7% dự toán, tăng 36,9%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước đạt 10.675 tỷ đồng¹⁶, bằng 78,8% dự toán, tăng 19,7%. Chi NSNN ước đạt 19.926 tỷ đồng, bằng 46,2% dự toán, tăng 11,4%.

2. Hoạt động đối ngoại gắn với xúc tiến đầu tư và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp được chú trọng

2.1. Lãnh đạo tỉnh đã tiếp đón Đoàn đại biểu tỉnh Hòa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào sang thăm và chúc Tết cổ truyền tại Thanh Hóa; đồng thời, đã tổ chức Đoàn đại biểu cao cấp sang thăm, làm việc và chúc Tết cổ truyền Bunpimay tại tỉnh Hòa Phăn, nước bạn Lào; tổ chức đoàn đi xúc tiến đầu tư tại Singapore; tiếp và làm việc với các đoàn Đại sứ quán Ấn Độ, Thụy

¹³ Biến động trung bình giá VLXD tháng 6 tháng đầu năm 2024 so với tháng 12/2023: xi măng giảm -3%; cát xây dựng tăng +4,5%; dầu diesel giảm -4%; xăng giảm -2%; đá các loại tăng +2%; nhựa đường giảm -12%; các loại vật liệu xây dựng thông thường khác như: thép, gạch xây, tôn lợp, nhìn chung không có biến động nhiều.

¹⁴ Cùng kỳ năm 2022, lần lượt tăng 9,5% và 8,2%; năm 2023 tăng 8,1% và 2,5%.

¹⁵ Một số khoản thu có tỷ trọng lớn và đạt cao so với dự toán như: thu tiền sử dụng đất đạt 5.786 tỷ đồng, bằng 76,1% dự toán, tăng 65,7%; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.478 tỷ đồng, bằng 93% dự toán, tăng 23%; thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 1.961 tỷ đồng, bằng 72,6% dự toán, tăng 14,5%; thu thuế bảo vệ môi trường đạt 958 tỷ đồng, bằng 66,4% dự toán, tăng 58,8%.

¹⁶ Trong đó, tiền thuế giá trị gia tăng mặt hàng dầu thô nhập khẩu của Công ty TNHH lọc hóa dầu Nghi Sơn là 8.796 tỷ đồng, chiếm 82,3% tổng thu (có 21 chuyên tàu dầu thô nhập khẩu, tăng 02 chuyên so với cùng kỳ; đơn giá bình quân dầu thô nhập khẩu 6 tháng đầu là 84 USD/thùng, cao hơn 3 USD/thùng so với cùng kỳ).

Sĩ, Hàn Quốc tại Việt Nam và một số tập đoàn, nhà đầu tư lớn¹⁷ để thu hút đầu tư vào tỉnh và giải quyết khó khăn, vướng mắc của các dự án lớn¹⁸ trên địa bàn.

2.2. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước đạt 65.885 tỷ đồng, bằng 48,8% KH, tăng 3,2% so với cùng kỳ; thu hút được 59 dự án đầu tư trực tiếp (trong đó có 12 dự án FDI), với tổng vốn đầu tư đăng ký 10.905 tỷ đồng và 177,5 triệu USD¹⁹; so với cùng kỳ, tăng 78,8% về số dự án và tăng 25,3% về số vốn đăng ký; tiếp nhận 18 chương trình, dự án, phi dự án, với tổng vốn viện trợ không hoàn lại khoảng 9 triệu USD.

Giá trị giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đến ngày 17/6/2024 đạt 5.352,9 tỷ đồng, bằng 41,7% KH vốn đã giao chi tiết, cao hơn 12,6% cùng kỳ.

2.3. Trong 6 tháng đầu năm, đã thành lập mới 1.364 doanh nghiệp, bằng 45,4% KH, tăng 7,2% so với cùng kỳ, đứng thứ 8 cả nước²⁰ và đứng đầu các tỉnh Bắc Trung Bộ, với tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 12.191 tỷ đồng, tăng 38,1%, vốn đăng ký bình quân đạt 8,96 tỷ đồng/doanh nghiệp²¹; có 457 doanh nghiệp đăng ký quay trở lại hoạt động, giảm 12,3%; có 887 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 18,9%. Thành lập mới 32 hợp tác xã, vượt 07 hợp tác xã so với kế hoạch.

3. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục chuyển biến tiến bộ, an sinh xã hội được đảm bảo

3.1. Hoạt động khoa học, công nghệ được thực hiện theo hướng nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ; đã thực hiện quản lý 171 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia và cấp tỉnh²²; tổ chức đánh giá, nghiệm thu 09 nhiệm vụ. Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ được duy trì, an toàn bức xạ được đảm bảo²³.

3.2. Hoạt động văn hóa thông tin tập trung tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh²⁴; công tác quản lý, theo dõi thông tin báo chí được tăng cường; kịp thời chỉ đạo, kiểm tra, xử lý vấn đề

¹⁷ Như: Tập đoàn DIC, Tập đoàn SAB, Tập đoàn Sovico, Tập đoàn WHA, Tập đoàn CMA CGM, Tập đoàn Điện lực Hàn Quốc, Tập đoàn hóa chất Đức Giang, Công ty TNHH Long Sơn, Công ty Cổ phần Tập đoàn TH...

¹⁸ Nhà máy điện khí LNG Nghi Sơn; Nhà máy hóa chất Đức Giang; các KCN: Lam Sơn - Sao Vàng, Phú Quý, Đồng Vàng; Trung tâm thương mại Quảng Thành; Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Bến En; Khu đô thị mới tại xã Hoằng Quang và xã Hoằng Long; Nhà máy cơ khí công nghệ cao Nghi Sơn...

¹⁹ Một số dự án có tổng vốn đầu tư lớn, như: Nhà máy sản xuất ván tre OSB staBOO Thanh Hóa (3.199 tỷ đồng); Hệ thống cấp nước thô chuỗi đô thị dọc Quốc lộ 47, TP Thanh Hóa và vùng phụ cận (2.545,8 tỷ đồng); Trạm biến áp 220 kV Sầm Sơn và đường dây đầu nối 220 kV Thanh Hóa - Sầm Sơn (1.319 tỷ đồng); Trạm biến áp 500kV Thanh Hóa tại các xã Thiệu Tiến, Thiệu Phúc, Thiệu Viên, Thiệu Lý, Thiệu Trung và thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa (1.444,5 tỷ đồng).

²⁰ Sau các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bắc Ninh, Hải Phòng.

²¹ Số vốn đăng ký bình quân/1 doanh nghiệp cùng kỳ năm 2023 đạt 6,9 tỷ đồng.

²² 11 nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia và 160 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

²³ Đã tham gia góp ý thẩm định về công nghệ cho 107 dự án đầu tư; hướng dẫn 90 tổ chức, cá nhân về quyền sở hữu trí tuệ; cấp phép hoạt động bức xạ cho 12 cơ sở; cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ cho 4 cá nhân.

²⁴ Như: 94 năm ngày thành lập Đảng; 77 năm ngày Bác Hồ lần đầu tiên về thăm Thanh Hóa; Kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ; 59 năm chiến thắng Hàm Rồng; Chương trình khai mạc Lễ hội du lịch biển năm 2024 và khánh thành Quảng trường biển, trực cảnh quan Lễ hội thành phố Sầm Sơn; Tuần văn hóa thành phố Thanh Hóa - thành phố Hội An năm 2024; Kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5; Lễ Phật Đản năm 2024...

báo chí nêu. Có thêm 02 di sản văn hóa phi vật thể được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia²⁵; các hoạt động văn hóa, thể thao với nhiều lễ hội truyền thống đặc sắc, giữ gìn nét đẹp văn hóa cổ truyền của các dân tộc được tổ chức sôi nổi, thu hút đông đảo Nhân dân và du khách tham gia. Thể thao quần chúng được duy trì²⁶; thể thao thành tích cao đạt 330 huy chương các loại, trong đó có 76 HCV, 97 HCB và 157 HCD, đặc biệt Nữ tuyển thủ judo Hoàng Thị Tình đã xuất sắc giành suất chính thức dự Olympic Paris (Pháp) 2024.

3.3. Hoạt động giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm và đạt kết quả tích cực; các đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ năm học 2023 - 2024; kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT và THPT chuyên Lam Sơn được tổ chức an toàn. Tại kỳ thi học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh có 84/90 học sinh dự thi đoạt giải²⁷, dẫn đầu cả nước về tỷ lệ thí sinh dự thi đạt giải (93%) và xếp thứ 4 toàn quốc về số lượng thí sinh đạt giải nhất; có 04 học sinh đạt giải tại các kỳ thi Olympic khu vực²⁸, trong đó có 01 học sinh được chọn vào đội tuyển dự thi Olympic quốc tế môn Vật lý. Đã tổ chức kiểm tra, đánh giá, công nhận, công nhận lại đạt chuẩn quốc gia cho 52 trường, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 1.690 trường, đạt tỷ lệ 85,3%. Công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học tiếp tục được quan tâm thực hiện²⁹.

3.4. Công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân được tăng cường, không để phát sinh thành ổ dịch, lan rộng ra cộng đồng³⁰; các khó khăn, vướng mắc trong việc mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập được tập trung giải quyết; ứng dụng kỹ thuật mới để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh được quan tâm³¹. Quản lý hành nghề y, dược tư nhân được kiểm soát chặt chẽ³²; công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm được tăng cường, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm.

3.5. Công tác theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhu cầu sử dụng lao động tại các doanh nghiệp được tăng cường³³; đã

²⁵ Gồm: Lễ hội Nàng Han tại xã Vạn Xuân, Thường Xuân; Lễ hội Mường Khô tại xã Điền Trung, Bá Thước.

²⁶ Đã phối hợp, tổ chức thành công: Hội diễn các câu lạc bộ Vovinam tỉnh Thanh Hóa lần thứ IX “Mừng Đảng, mừng Xuân Giáp Thìn” năm 2024; Giải Quần vợt “Mừng Đảng, mừng Xuân”; Lễ phát động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân và Giải Việt dã Báo Thanh Hóa lần thứ 28; Chạy vì sức khỏe cộng đồng năm 2024; Lễ Khai mạc hè, Ngày Olympic trẻ em và phát động toàn dân tập luyện môn bơi phòng, chống đuối nước cho trẻ em năm 2024 tại Thanh Hóa...

²⁷ Gồm: 9 giải nhất, 22 giải nhì, 23 giải ba, 30 giải khuyến khích; tăng 23 giải so với năm học 2022 - 2023.

²⁸ Gồm: Tại kỳ thi Olympic quốc tế môn Hóa học lần thứ 58, có 01 học sinh giành HCD; tại kỳ thi Olympic Vật lý châu Á Thái Bình Dương năm 2024, có 03 học sinh tham gia đạt giải (01 HCB và 02 HCD).

²⁹ Toàn tỉnh giảm 02 trường công lập, tăng 03 trường tư thục (gồm: 01 trường MN, 01 trường THCS, 01 trường THPT) so với chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³⁰ Trong 6 tháng đầu năm, một số bệnh truyền nhiễm tăng nhẹ so với cùng kỳ, như sốt xuất huyết, tay chân miệng, liệt mô cầu nghi bại liệt, ho gà. Từ 1/1/2024 - 2/6/2024, có 52 ca sốt xuất huyết (cùng kỳ 24 ca), 17 ca sởi (cùng kỳ 14 ca), 107 ca tay chân miệng (cùng kỳ 39 ca), 2 ca viêm màng não do NMC (cùng kỳ 01 ca), 1 ca đại (từ vong 1) bằng với cùng kỳ năm 2023, 16 ca ho gà (cùng kỳ 0), 14 ca liệt mềm cấp nghi bại liệt (cùng kỳ 2 ca), 4 ca viêm gan vi rút B (cùng kỳ 5 ca), 13 ca viêm não do vi rút khác (cùng kỳ 10 ca).

³¹ Đã thẩm định, bổ sung danh mục kỹ thuật cho 3 BVĐK (Thọ Xuân, Cẩm Thủy, Triệu Sơn) và PKĐK Xuân Lai với 105 kỹ thuật (cùng kỳ 33 kỹ thuật). Thực hiện hội chẩn, tư vấn, khám chữa bệnh từ xa; thực hiện Bệnh án điện tử, kê đơn thuốc điện tử; đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới tại các đơn vị tuyến tỉnh, huyện.

³² Đã cấp mới, cấp lại 356 chứng chỉ hành nghề dược, 369 giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

³³ Trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh có 210 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng khoảng 25.000 lao động; khả năng đáp ứng về nguồn cung lao động của tỉnh khoảng 95%.

tao việc làm cho 30.600 lao động (trong đó, có 5.976 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài), bằng 52,8% KH, tăng 0,2%; giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho 12.376 lao động, giảm 7,26%. Công tác giảm nghèo được đẩy mạnh; các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng và thân nhân, chính sách an sinh xã hội, dân tộc, tôn giáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời; thực hiện tốt các nhiệm vụ chăm lo Tết cho Nhân dân³⁴. Sau 02 tháng phát động Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh, đã tiếp nhận kinh phí ủng hộ của các tổ chức, cá nhân 20 tỷ đồng³⁵. Tổ chức tiếp nhận 15 hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào về an táng tại nghĩa trang liệt sỹ quốc tế Đồng Tâm.

4. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện. Đã hoàn thành phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cho 27 huyện, thị xã, thành phố; đã thực hiện giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng 443,7 ha đất; thực hiện việc đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu vật liệu thông thường, phục vụ san lấp các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh³⁶. Đến ngày 15/6/2024, đã thực hiện chi trả bồi thường GPMB được 1.582,7 ha, bằng 73% KH, cao hơn 1,53 lần so với cùng kỳ. Công tác kiểm tra, giám sát lĩnh vực tài nguyên, môi trường được kiểm soát³⁷.

5. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, cải cách hành chính được triển khai thực hiện tích cực

5.1. Đã tập trung rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính tại các cơ quan, đơn vị³⁸; hoàn thành việc phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập³⁹; tiếp tục hoàn chỉnh các đề án sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế cho 153 trường hợp.

5.2. Đã tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các địa phương, đơn vị; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được

³⁴ Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tỉnh Thanh Hóa đứng thứ 3 cả nước về tổng số lượt đối tượng được tặng quà tết (sau Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh); đứng thứ 3 cả nước về tổng kinh phí tặng quà, trong đó: nguồn kinh phí vận động xã hội hóa đứng thứ 3 cả nước (sau Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh).

³⁵ Trong đó: Quỹ Vì người nghèo tỉnh đã tiếp nhận kinh phí ủng hộ của 222 tổ chức, cá nhân, với số tiền khoảng 6,6 tỷ đồng; tiếp nhận vào tài khoản MTTQ các huyện khoảng 13,4 tỷ đồng.

³⁶ Theo Báo cáo số 99/BC-STNMT ngày 13/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường: các mỏ đã được cấp phép khai thác còn thời hạn không đủ công suất, cụ thể: có 43 mỏ đất san lấp với công suất 3,848 triệu m³/năm, trừ lượng khai thác khoảng 47,395 triệu m³. 216 giấy phép khai thác đá xây dựng với công suất 8,2 triệu m³/năm, trừ lượng khai thác là 180,64 triệu m³. 29 mỏ cát với công suất 0,717 triệu m³/năm, trừ lượng khai thác khoảng 7,18 triệu m³. Trong khi nhu cầu VLXD cho các dự án đến năm 2030 theo báo cáo của Sở Xây dựng tại Công văn số 3091/SXD-VLXD ngày 05/5/2024) là 233,63 triệu m³ đất san lấp, 26,01 triệu m³ cát, 35,77 triệu m³ đá.

³⁷ Đã kiểm tra, xử lý 12 kiến nghị phản ánh về vấn đề môi trường; tổ chức 80 Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM.

³⁸ Tổ chức lại Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; đổi tên Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế thành Chi cục Dân số thuộc Sở Y tế; kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy sản Thanh Hóa; kiện toàn cơ cấu tổ chức của BQL dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; chuyển giao Trường Tiểu học Hermann Gmeiner Thanh Hóa về tỉnh quản lý...

³⁹ UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 28/02/2024 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý.

giải quyết đúng và trước hạn đạt trên 99,99%. Tinh thần trách nhiệm và sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước có sự chuyển biến rõ nét. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023 của tỉnh xếp thứ 30 cả nước, tăng 17 bậc so với năm 2022; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023 xếp thứ 13 cả nước; Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2023 xếp thứ 25 cả nước.

6. Công tác thẩm định văn bản, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý được nâng lên; thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được tăng cường

6.1. Đã tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp và việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đặc biệt là việc ban hành quyết định ủy quyền phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6.2. Ngành Tư pháp đã tổ chức thẩm định và tham gia ý kiến đối với 498 dự thảo văn bản HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương; thực hiện kiểm tra, rà soát 31 văn bản quy phạm pháp luật; hoàn thành trợ giúp pháp lý đối với 146 vụ việc tham gia tố tụng.

6.3. Các đơn vị đã tổ chức 348 cuộc thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành⁴⁰; phát hiện sai phạm 31,4 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 23,5 tỷ đồng, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 188 tổ chức, 255 cá nhân; kiến nghị xử lý hình sự 01 vụ. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định, tình hình khiếu nại, tố cáo có chiều hướng giảm; các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh đã giải quyết 413 vụ khiếu nại và 27 vụ tố cáo. Công tác phòng chống tham nhũng được chú trọng; đã tiến hành chuyển đổi vị trí công tác của 128 cán bộ, công chức, viên chức.

7. Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo

7.1. Các lực lượng vũ trang đã tăng cường tuần tra trên các tuyến biên giới, giám sát hoạt động xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu, khu vực biên giới, đường mòn, lối mở; thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên nắm chắc tình hình, không để bất ngờ, bị động xảy ra. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quốc phòng, an ninh; hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2024, với 4.096 công dân nhập ngũ⁴¹; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện theo kế hoạch.

⁴⁰ Gồm: 202 cuộc thanh tra hành chính và 146 cuộc thanh tra chuyên ngành.

⁴¹ Gồm: 3.655 công dân nhập ngũ vào các đơn vị Bộ Quốc phòng; 441 công dân nhập ngũ vào các đơn vị Bộ Công an.

7.2. Lực lượng Công an đã mở các đợt cao điểm về trấn áp tội phạm; phòng, chống sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng trái phép các loại pháo, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tuần tra bảo đảm an ninh trật tự; tăng cường lực lượng xuống cơ sở, nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện và đấu tranh mạnh với các loại tội phạm. Trong 6 tháng đầu năm, đã khởi tố 975 vụ, 2.149 bị can phạm tội về trật tự xã hội, ma túy, quản lý kinh tế, môi trường, tham nhũng chức vụ, công nghệ thông tin, mạng viễn thông; xảy ra 478 vụ tai nạn giao thông, làm chết 175 người, bị thương 447 người; so với cùng kỳ, giảm 3,8% về số vụ và 28,8% về số người chết, tăng 10,7% về số người bị thương.

Tóm lại, 6 tháng đầu năm 2024, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức; song, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh có nhiều điểm sáng và chuyển biến tích cực trên hầu hết các lĩnh vực: (1) Tốc độ tăng trưởng GRDP ước đạt 11,5%, đứng thứ 3 cả nước; sản xuất nông nghiệp ổn định, năng suất lúa vụ Đông Xuân cao nhất từ trước đến nay; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 15,8%, đa số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có sản lượng tăng so với cùng kỳ; giá trị xuất khẩu tăng 21,9%, tổng thu du lịch tăng 30,2%. (2) Thu ngân sách nhà nước bằng 76,9% dự toán cả năm và tăng 29,6%; thu hút đầu tư tăng 78,8% về số dự án và 25,3% về số vốn đăng ký; số doanh nghiệp thành lập mới tăng 7,2%, đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ và đứng thứ 8 cả nước. (3) Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023 tăng 17 bậc so với năm 2022. (4) Chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục được nâng lên; tỉnh ta có thêm 02 di sản văn hóa phi vật thể được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; dẫn đầu cả nước về tỷ lệ thí sinh dự thi đạt giải và xếp thứ 4 về số lượng thí sinh đạt giải nhất tại kỳ thi học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2023 - 2024; đạt 04 huy chương các loại tại các kỳ thi Olympic, trong đó có 01 học sinh tiếp tục được lựa chọn vào đội tuyển dự thi Olympic quốc tế môn Vật lý; Nữ tuyển thủ Judo Hoàng Thị Tình đã xuất sắc giành suất chính thức dự Olympic Paris (Pháp) 2024. (5) Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh, được cấp uỷ, chính quyền các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. (6) An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế phát triển.

II. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, hạn chế

1.1. Giá thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc xin phục vụ chăn nuôi còn ở mức cao. Chưa có sản phẩm công nghiệp mới, các sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao. Phát triển nhà ở xã hội cho công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu.

1.2. Tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm do nhiều doanh nghiệp không có nhu cầu vay vốn tín dụng hoặc chưa hoàn chỉnh hồ sơ để giải ngân vốn. Hoạt

động của một bộ phận doanh nghiệp còn khó khăn, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động giảm 12,3%, số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động tăng 18,9%, số doanh nghiệp giải thể tăng 34,5% so với cùng kỳ.

1.3. Chưa thu hút được nhiều dự án tại khu vực miền núi. Tiến độ thực hiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và một số dự án đầu tư lớn, trọng điểm chưa đảm bảo yêu cầu, như: tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoàng Hóa; Hoàng Hóa - Sầm Sơn và Quảng Xương - Tĩnh Gia; đường giao thông từ khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoàng Hóa; các dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dự án nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại thị xã Bỉm Sơn; dự án nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn; một số dự án lớn thuộc lĩnh vực văn hóa có tiến độ rất chậm.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024 của một số địa phương chưa sâu sát, chưa quyết liệt; nhiều đơn vị tư vấn, nhà thầu, ban quản lý dự án còn yếu về năng lực; sai phạm trong công tác đấu thầu còn xảy ra; tiến độ chuẩn bị hồ sơ, thủ tục đầu tư của một số dự án còn chậm; một số dự án phải thực hiện việc điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của tỉnh chưa đảm bảo theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 26/01/2024⁴²; một số đơn vị có tỷ lệ giải ngân đạt thấp so với bình quân chung của tỉnh (đạt 41,7%), như: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (4,7%), Ban QLDA đầu tư các công trình giao thông (15,8%), Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN (17,4%), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (18,3%), Sở Nông nghiệp và PTNT (18,7%), thị xã Nghi Sơn (14,6%), huyện Ngọc Lặc (15,7%), huyện Mường Lát (26,3%), huyện Hà Trung (30,4%)...

1.4. Số lượng giáo viên còn thiếu nhiều so với chỉ tiêu trung ương giao. Tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm còn xảy ra tại một số bệnh viện; công tác giám sát, hậu kiểm hoạt động của các cơ sở y tế tư nhân chưa thường xuyên. Việc liên kết trong quá trình đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các doanh nghiệp còn chưa chặt chẽ.

Đã xảy ra 02 vụ tai nạn lao động tại nơi sản xuất, làm chết 02 người⁴³; tỷ lệ bao phủ BHXH có xu hướng tăng chậm⁴⁴; nợ đóng, chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN trong các doanh nghiệp chưa có dấu hiệu giảm⁴⁵.

⁴² Theo quy định tại Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 26/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công năm 2024, đến ngày 30/6/2024, giải ngân đạt ít nhất là 50% kế hoạch vốn được giao (mới đạt 41,7%).

⁴³ Tại Trường Tiểu học Thành Yên, huyện Thạch Thành xảy ra tai nạn lao động làm 01 người chết (người lao động thuộc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Long Phú); tại Công ty Cổ phần xi măng Đại Dương, thị xã Nghi Sơn xảy ra tai nạn lao động làm 01 người chết (người lao động thuộc Công ty TNHH Quyên Cường).

⁴⁴ Tỷ lệ tham gia BHXH so với lực lượng lao động 6 tháng đầu năm 2022 đạt 24,47%; 6 tháng đầu năm 2023 đạt 28,07%; 6 tháng đầu năm 2024 đạt 28,81%.

⁴⁵ Toàn tỉnh hiện có 2.878 doanh nghiệp nợ BHXH, BHYT, BHTN từ 3 tháng trở lên với số tiền nợ là 485,4 tỷ đồng, tăng 164 doanh nghiệp và tăng 14,3 tỷ đồng so với cùng kỳ.

1.5. Còn để xảy ra một số điểm gây ô nhiễm môi trường. Thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại một số địa phương còn kéo dài.

1.6. Chất lượng tham mưu, giải quyết một số công việc có lúc, có việc còn chậm, chất lượng chưa đảm bảo, thiếu quyết liệt trong theo bám công việc; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức (trong đó có cả lãnh đạo quản lý và người đứng đầu) ở một số ngành, địa phương, đơn vị có lúc, có việc còn tư tưởng làm việc cầm chừng hoặc né tránh, không nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật để thực hiện, dẫn đến còn tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm.

1.7. Hoạt động tội phạm ma túy trên tuyến biên giới diễn biến phức tạp; tình hình tôn giáo, an ninh xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, nhất là liên quan đến việc giải phóng mặt bằng, thu hồi đất các dự án đầu tư khu vực ven biển. Tai nạn giao thông tăng cao về số người bị thương.

2. Nguyên nhân khó khăn, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan: (1) Tình hình thế giới tiếp tục bất ổn, ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, thương mại, sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. (2) Một số quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, nhà ở và kinh doanh bất động sản, đấu thầu chưa thống nhất, chưa phù hợp nhưng chậm được sửa đổi. (3) Nhu cầu vốn để GPMB, đầu tư các dự án hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp lớn, trong khi nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước còn hạn hẹp. (4) Khu vực miền núi có địa hình phức tạp, chia cắt mạnh, độ dốc lớn, đường biên giới dài.

- Nguyên nhân chủ quan: (1) Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa một số đơn vị chưa chặt chẽ; năng lực, trách nhiệm và thái độ phục vụ của một số cán bộ, công chức, người đứng đầu chưa cao. (2) Một số chủ đầu tư trách nhiệm chưa cao, thiếu chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công; năng lực của một số Ban Quản lý dự án còn chưa đảm bảo yêu cầu; một số nhà đầu tư, nhà thầu thi công và đơn vị tư vấn năng lực còn hạn chế, chưa thực hiện theo cam kết trong hồ sơ dự thầu, chủ trương đầu tư. (3) Việc bảo đảm an toàn lao động tại một số doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động có lúc, có nơi chưa được quan tâm đúng mức.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH TÌNH HÌNH THẾ GIỚI, KHU VỰC VÀ TRONG NƯỚC TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2024

Năm 2024 là năm tăng tốc, bứt phá về đích, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 19 đã đề ra. Dự báo trong thời gian tới, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp; tình trạng bất ổn an ninh, chính trị tiếp tục leo thang tại Nga - Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ...; lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, chính

sách tiền tệ tại nhiều nền kinh tế lớn tiếp tục được điều hành thận trọng theo hướng thắt chặt; kinh tế thế giới phục hồi không đồng đều.

Ở trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm, tăng trưởng kinh tế, sản xuất kinh doanh tiếp tục phục hồi, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện là nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển; các tổ chức quốc tế tiếp tục đánh giá cao về kết quả đạt được và triển vọng tăng trưởng của Việt Nam năm 2024⁴⁶; song, nền kinh tế vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; quy mô nền kinh tế còn khiêm tốn, sức chống chịu, năng lực cạnh tranh còn thấp, dễ bị ảnh hưởng từ các tác động bên ngoài, nhất là sức ép về lạm phát, cạnh tranh chiến lược, xung đột địa chính trị; an ninh năng lượng, lương thực còn nhiều thách thức; thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu vẫn là những rủi ro thường trực... là những tín hiệu cho thấy các tháng cuối năm 2024, nền kinh tế sẽ chịu khó khăn lớn, tạo áp lực lên công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

Trong tình, các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, tạo thuận lợi để đẩy mạnh thu hút đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Tuy nhiên, các khó khăn, thách thức vẫn rất lớn, với nhiều yếu tố khó dự báo hơn, nhất là nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp; việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của doanh nghiệp còn khó khăn, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp chậm, thiếu mặt bằng sạch để thu hút đầu tư...; cùng với những thách thức về thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu là những yếu tố tác động bất lợi đến sự phát triển của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ CÒN LẠI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

Trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2024, nhiệm vụ còn lại của một số chỉ tiêu chủ yếu trong 6 tháng cuối năm 2024 như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu có số liệu thống kê 6 tháng đầu năm

(1) Với mục tiêu tăng trưởng GRDP cả năm là 11% trở lên, thì tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng cuối năm 2024 phải đạt 10,6% trở lên, trong đó: nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 2,6% trở lên (KH cả năm 3,0%); công nghiệp - xây dựng tăng 10,7% trở lên (KH 14%); dịch vụ tăng 10,9% trở lên (KH 9,2%); thuế sản phẩm tăng 22,6% trở lên (KH 13,8%).

(2) Sản lượng lương thực đạt 646,971 nghìn tấn trở lên (kế hoạch là 1,54 triệu tấn).

⁴⁶ Như: Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo Việt Nam đứng thứ 20 thế giới với mức tăng trưởng năm 2024 đạt 5,8%; Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 là 5,5% và tiếp tục nằm trong nhóm đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng kinh tế; Cơ quan xếp hạng tín dụng Fitch Ratings dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024 sẽ đạt 6,3%; Ngân hàng Standard Chartered, Ngân hàng UOB và Ngân hàng ADB dự báo GDP Việt Nam năm 2024 tăng 6%...

(3) Kim ngạch xuất khẩu đạt 3.118,4 triệu USD trở lên (kế hoạch là 6.000 triệu USD).

(4) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 69.115 tỷ đồng trở lên (kế hoạch là 135.000 tỷ đồng).

(5) Thu NSNN đạt 8.219 tỷ đồng trở lên (dự toán năm là 35.567 tỷ đồng). Phân đầu năm 2024 tăng thu 10% so với năm 2023 theo chỉ tiêu đã đề ra tại Kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; tương đương với số thu còn phải thực hiện trong 6 tháng cuối năm là 20.275 tỷ đồng trở lên.

(6) Tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao tăng thêm 2.108,2 ha trở lên (kế hoạch là 6.200 ha).

(7) Thêm 01 huyện, 13 xã NTM; 02 huyện, 6 xã NTM nâng cao; 01 xã NTM kiểu mẫu trở lên (KH có thêm 01 huyện, 17 xã NTM; 02 huyện, 19 xã NTM nâng cao; 10 xã NTM kiểu mẫu).

(8) Số doanh nghiệp thành lập mới 1.636 DN trở lên (kế hoạch là 3.000 doanh nghiệp).

2. Các chỉ tiêu chủ yếu không có số liệu thống kê 6 tháng đầu năm (chỉ có kết quả cuối năm): phân đầu hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các mục tiêu đã đề ra, cụ thể:

(1) Cơ cấu các ngành kinh tế: nông, lâm, thủy sản chiếm 12,9%; công nghiệp - xây dựng 49,5%; dịch vụ 31,1%; thuế sản phẩm 6,5%.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 3.540 USD trở lên.

(3) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 39% trở lên.

(4) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt 9,5% trở lên.

(5) Tốc độ tăng dân số dưới 1%.

(6) Số bác sỹ/1 vạn dân đạt 12,5 bác sỹ trở lên.

(7) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,75% trở lên.

(8) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn 30,5%.

(9) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 74% trở lên.

(10) Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giai đoạn 2022 - 2025 giảm từ 1,5% trở lên.

(11) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 86,67% trở lên.

(12) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí ATTP 99,8% trở lên; trong đó, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí ATTP nâng cao đạt 24,5% trở lên.

(13) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đạt 27,8% trở lên.

(14) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 53,8% trở lên.

(15) Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 98% trở lên; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 64% trở lên.

(16) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 91% trở lên.

(17) 80% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

Những kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm là tích cực, nhưng nhiệm vụ của 6 tháng cuối năm 2024 là rất lớn, đòi hỏi các ngành, địa phương, đơn vị phải tập trung cao độ để triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đề ra⁴⁷, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, vướng mắc, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của tỉnh; đồng thời, tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

1. Nhiệm vụ chung của các ngành, địa phương, đơn vị

1.1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040; các chương trình, cơ chế, chính sách cụ thể hóa Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025; các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội; kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh. Đẩy mạnh tiến độ lập, hoàn thiện, trình phê duyệt các quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết xây dựng.

1.2. Đẩy mạnh nghiên cứu, dự báo, tham mưu phục vụ điều hành kinh tế - xã hội để chủ động có phản ứng phù hợp, hiệu quả, thích ứng với tình hình, xu thế mới; tập trung rà soát, đánh giá các nhiệm vụ còn lại của 6 tháng cuối năm 2024, đối với các mục tiêu, chỉ tiêu đạt kết quả tích cực, cần tiếp tục phấn đấu đạt mức cao nhất, tạo tiền đề cho kế hoạch năm 2025, đối với các mục tiêu, chỉ tiêu đạt thấp so với kế hoạch, dự báo có nhiều khó khăn, thách thức cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả các giải pháp khả thi, có tính đột phá trong 6 tháng cuối năm, phấn đấu thực hiện hoàn thành tất cả các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024. Tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Tập trung triển khai sản xuất vụ Mùa năm 2024 đảm bảo trong khung thời vụ; thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; tăng cường công tác quản lý khai thác thủy sản, đảm bảo an toàn cho người, tàu cá hoạt động trên biển. Các cấp, các ngành, địa phương phải xác định công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, nhất là trong mùa mưa bão; triển

⁴⁷ Như: Nghị quyết số 450/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023; Công văn số 5853/UBND-THKH ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh...

khai các biện pháp phòng, chống thiên tai, sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn, kiểm tra, kịp thời khắc phục sự cố, hậu quả thiên tai khi có tình huống xảy ra theo phương châm “4 tại chỗ”, giảm thiểu thấp nhất thiệt hại do thiên tai, tai nạn, sự cố gây ra, giữ vững thành quả phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được.

1.4. Chủ động kiểm tra, nắm chắc tình hình biến động về giá nguyên, nhiên vật liệu, vật tư đầu vào, tình hình tiêu thụ điện và hoạt động của doanh nghiệp công nghiệp để tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, không để gián đoạn sản xuất, nhất là các doanh nghiệp chủ lực có đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, giải quyết việc làm; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp phát huy tối đa công suất, gia tăng sản lượng để bù đắp thiếu hụt cho các sản phẩm công nghiệp có sản lượng giảm. Xây dựng và thực hiện phương án đảm bảo cung ứng đủ điện trong thời gian cao điểm năm 2024 và các năm tiếp theo theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ⁴⁸.

1.5. Đẩy mạnh các hoạt động thương mại, dịch vụ gắn với phát triển mạnh thị trường trong nước; thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử để bắt kịp xu hướng phát triển; củng cố và mở rộng thị phần hàng hóa tại các thị trường truyền thống, tạo bước đột phá mở rộng các thị trường xuất khẩu mới có tiềm năng. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải; tăng cường kết nối, liên thông dịch vụ vận tải giữa các phương thức. Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến du lịch; tăng cường các hoạt động liên kết phát triển du lịch Thanh Hóa với các tỉnh, thành phố trọng điểm về du lịch để thu hút du khách về với Thanh Hóa. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thị trường, phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

1.6. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, triển khai hiệu quả Đề án 06 và các dự án thực hiện chuyển đổi số. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn; thực hiện đồng bộ các biện pháp duy trì các chỉ số thành phần có thứ hạng cao, nâng cao các chỉ số thành phần có thứ hạng thấp của các chỉ số PCI, PAR INDEX, PAPI, SIPAS. Nâng cao, đổi mới hoạt động công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, có chọn lọc; tổ chức có hiệu quả các cuộc xúc tiến đầu tư ở nước ngoài; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ giải quyết các “điểm nghẽn”, nhất là công tác giải phóng mặt bằng để bàn giao cho nhà đầu tư triển khai xây dựng và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp, dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tăng cường kiểm tra các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, xử lý nghiêm các dự án chậm, vi phạm quy định pháp luật.

1.7. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thu ngân sách nhà nước; rà soát, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn thu, khu vực thu, từng sắc thuế để có phương án chỉ đạo, điều hành kịp thời, bảo đảm thu đúng, thu đủ, không để lọt, sót các nguồn thu; đôn đốc các khoản nợ kéo dài, quá hạn, phấn đấu vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024. Thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm hiệu quả, linh hoạt, cân đối nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ chi năm 2024; sử dụng

⁴⁸ Tại Thông báo số 183/TB-VPVP ngày 25/4/2024 và Công điện số 38/CĐ-TTg ngày 15/4/2024.

ngân sách tiết kiệm, hiệu quả để tập trung nguồn lực phục vụ cho đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách.

1.8. Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; tăng cường đôn đốc nhà thầu thi công tập trung nhân lực, nguyên vật liệu, thiết bị, bổ sung các mũi thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; kiên quyết xử lý nghiêm nhà thầu xây lắp, đơn vị tư vấn không thực hiện theo đúng cam kết trong hồ sơ dự thầu; tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của 05 Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024. Tập trung giải quyết các “nút thắt” để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch GPMB trên địa bàn tỉnh năm 2024; tăng cường đối thoại với người dân để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, vận dụng linh hoạt, hiệu quả các quy định của pháp luật để giải quyết phản ánh, kiến nghị, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân.

1.9. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động, sự kiện, văn hóa, thể thao và du lịch năm 2024⁴⁹; tăng cường công tác bảo tồn và phát huy các giá trị các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch; thực hiện đồng bộ các biện pháp, nghiệp vụ nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, hiệu quả; triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chương trình, chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội; theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường lao động, việc làm để có phương án hỗ trợ kịp thời, khắc phục tình trạng thiếu lao động phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Cùng cố quốc phòng, an ninh, tạo môi trường an toàn, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện đồng bộ các biện pháp kiềm chế tai nạn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và phòng chống đuối nước cho trẻ em.

1.10. Các cấp, các ngành tập trung tham mưu cho UBND tỉnh các nội dung dự kiến trình HĐND tỉnh tại các kỳ họp trong 6 tháng cuối năm đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định. Tiếp tục đề cao tinh thần trách nhiệm, quyết liệt, hiệu quả, kịp thời trong chỉ đạo, điều hành; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp và vai trò của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp có dấu hiệu tiêu cực, bất thường, gây khó khăn, phiền hà trong thực thi công vụ theo quy định. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng.

1.11. Tập trung tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản để cụ thể hóa, triển khai thực hiện các Luật, Nghị định mới ban hành, đặc

⁴⁹ Như: tổ chức ra quân toàn tỉnh về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa lần thứ XV, nhiệm kỳ 2024 - 2029; Đại hội đại biểu các Dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa lần thứ IV; Vòng chung khảo Liên hoan Phát thanh toàn quốc lần thứ XVI năm 2024; Đại hội thi đua quyết thắng Bộ đội Biên phòng tỉnh, giai đoạn 2019 - 2024; Kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ; Kỷ niệm 70 năm đón tiếp đồng bào, cán bộ, chiến sĩ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc; Kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 35 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân...

biệt là Luật đất đai; Luật Căn cước; Luật kinh doanh bất động sản (sửa đổi); Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Luật Nhà ở (sửa đổi); Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); Luật Viễn thông (sửa đổi)...; đồng thời, tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu, tạo sự thống nhất trong nhận thức, nhằm phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp và hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho các ngành, lĩnh vực

2.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

a) Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương gieo trồng và chăm sóc, bảo vệ cây trồng; xây dựng và thực hiện tốt phương án sản xuất và phòng trừ sâu bệnh vụ Đông năm 2024 - 2025. Tiếp tục phát triển vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đối với các sản phẩm lợi thế, chủ lực của tỉnh; tăng cường theo dõi, cảnh báo, hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch bệnh và bảo đảm an toàn cho đàn gia súc, gia cầm, con nuôi thủy sản, nhất là những ngày nắng nóng, nhiệt độ cao dễ xảy ra sốc nhiệt. Đẩy nhanh tiến độ trồng rừng, tăng cường công tác bảo vệ, phòng chống cháy rừng trong mùa nắng nóng. Tiếp tục triển khai các giải pháp để khắc phục cảnh báo Thẻ vàng của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU), triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, tàu cá hoạt động trên biển.

b) Theo dõi chặt chẽ tình hình cung cầu, giá các loại vật tư nông nghiệp thiết yếu và các mặt hàng nông sản, chủ động có biện pháp xử lý kịp thời; hướng dẫn người dân, doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp để đẩy mạnh xuất khẩu. Tham mưu tổ chức hội nghị kết nối cung - cầu và trưng bày giới thiệu sản phẩm nông sản thực phẩm an toàn năm 2024. Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư sớm khởi công và hoàn thành đưa vào hoạt động các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh năm 2024 thuộc lĩnh vực nông nghiệp⁵⁰.

c) Chỉ đạo, đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM; Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét và sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm vận hành an toàn công trình và cung cấp nước cho các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân; đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình thủy lợi, đề điều, đảm bảo công tác phòng, chống thiên tai trong mùa mưa lũ.

2.2. Sở Công Thương

a) Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, chính sách kích cầu tiêu dùng, phát triển thương mại, thị trường trong nước, trong tỉnh. Tiếp tục

⁵⁰ Như: Nhà máy sản xuất nước trái cây tại xã Ngọc Liên, Ngọc Lặc; Khu trang trại sản xuất, kinh doanh giống lợn và chăn nuôi lợn thương phẩm chất lượng cao New Hope Đông Thịnh tại xã Đông Thịnh, Ngọc Lặc; Nhà máy chế biến nông sản tại xã Xuân Hòa, Như Xuân; Nhà máy sản xuất ván tre OSB staBOO Thanh Hóa...

đấu môi với Bộ Công Thương và các thương vụ Việt Nam ở nước ngoài để thu thập, nắm bắt thông tin về các chương trình xúc tiến thương mại do trung ương tổ chức, để cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, làm sâu sắc hơn mối quan hệ gắn bó với các đối tác truyền thống, tìm kiếm thị trường mới gắn với nhóm sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu tiêu biểu của tỉnh; hỗ trợ các doanh nghiệp khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết, đáp ứng nhanh các tiêu chuẩn mới của nước đối tác xuất khẩu, tạo thuận lợi thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa.

b) Tăng cường kiểm tra, làm việc với các doanh nghiệp để nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp, kịp thời hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc đảm bảo doanh nghiệp sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định, nhất là các sản phẩm có khả năng gia tăng sản lượng, phát huy tối đa công suất để bù đắp phần thiếu hụt giá trị sản xuất công nghiệp cho các sản phẩm có sản lượng giảm. Tập trung chỉ đạo giải quyết khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp, các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đã được đưa vào quy hoạch nhưng chưa thu hút được nhà đầu tư.

c) Chỉ đạo Công ty Điện lực và các tổ chức cung ứng điện trên địa bàn có phương án điều tiết điện hợp lý, hiệu quả, ưu tiên cấp điện cho các phụ tải quan trọng, đặc biệt là các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các bệnh viện, trang trại chăn nuôi quy mô lớn...; kịp thời tham mưu, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà máy thủy điện, nhiệt điện để tổ chức phát điện, đảm bảo công suất và sản lượng điện cấp lên hệ thống lưới điện quốc gia.

2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đấu môi, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương để tham mưu hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trình duyệt theo quy định. Tham mưu xây dựng báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa; tham mưu xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công năm 2025.

b) Thường xuyên theo dõi sát diễn biến tình hình trong tỉnh, trong nước và quốc tế để kịp thời tham mưu, đề xuất bổ sung giải pháp chỉ đạo, điều hành, đảm bảo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

c) Tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn của các dự án; kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án theo quy định; tham mưu các nội dung, công việc để nâng cao hiệu quả hoạt động của 05 Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024.

d) Tập trung giải quyết nhanh, đúng quy định của pháp luật các thủ tục về đầu tư; theo dõi, đôn đốc, giải quyết các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh

tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp; tiếp tục rà soát, đề xuất thu hồi các dự án chậm tiến độ, vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các đơn vị liên quan kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, phục vụ tiếp doanh nghiệp định kỳ hằng tháng.

2.4. Sở Tài chính

a) Tổ chức triển khai quyết liệt các giải pháp thu ngân sách nhà nước; theo dõi chặt chẽ tiến độ thu, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn thu, khu vực thu, sắc thuế để có phương án chỉ đạo, điều hành hiệu quả, sát thực tế, phấn đấu vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024. Tiếp tục tham mưu đẩy mạnh cơ cấu lại chi NSNN theo hướng tăng chi đầu tư, giảm chi thường xuyên; triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách, dành nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và đầu tư phát triển theo quy định.

b) Tiếp tục đấu mối, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan của Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ⁵¹ để cung cấp thông tin, hồ sơ, thủ tục, giải trình với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để sớm ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện chính sách tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu qua Cảng biển Nghi Sơn. Khẩn trương tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách về mức dư nợ vay; chính sách về phí, lệ phí và chính sách về thu từ xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội trong thời gian sớm nhất, nhằm phát huy hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh.

c) Tham mưu xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Thanh Hóa.

2.5. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp

a) Tập trung khai thác thế mạnh cụm cảng nước sâu Nghi Sơn để thu hút các hãng vận tải biển lớn mở các tuyến vận tải container quốc tế; kêu gọi đầu tư xây dựng trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Nghi Sơn. Phối hợp với các đơn vị liên quan để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp phát huy hết công suất, sản lượng và tiêu thụ sản phẩm.

b) Đẩy nhanh tiến độ lập, trình phê duyệt các đồ án quy hoạch phân khu khu công nghiệp, đô thị theo quy định. Tích cực đôn đốc, hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư trực tiếp, các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; kiên quyết đề xuất cấp có thẩm quyền thu hồi các dự án chậm tiến độ kéo dài; báo cáo kết quả với Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 30/8/2024.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để các nhà đầu tư sớm hoàn thành hồ sơ, thủ tục đầu tư dự án Khu công nghiệp phía Tây, thành phố Thanh Hóa, Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh, huyện Thiệu Hóa; tham

⁵¹ Chính phủ đã có Tờ trình số 218/TTr-CP ngày 06/5/2024 xin ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị định hướng dẫn thực hiện chính sách tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu qua Cảng biển Nghi Sơn.

muu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà máy điện khí LNG Nghi Sơn; sớm khởi công dự án đầu tư Tổ hợp sản xuất hóa chất Đức Giang và dự án đầu tư Khu công nghiệp Phú Quý; đẩy nhanh tiến độ thực hiện hạ tầng khu công nghiệp số 3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn theo chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội theo quy định.

2.6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tập trung lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất các dự án theo kế hoạch; đấu giá các khu vực mỏ làm vật liệu xây dựng thông thường đã được phê duyệt kế hoạch đấu giá. Kiểm tra, rà soát trữ lượng được phép khai thác, trữ lượng còn lại tại các mỏ vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm theo quy định đối với các vi phạm trong hoạt động khoáng sản. Tham mưu triển khai xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2025.

b) Tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; công tác chuyển mục đích sử dụng đất rừng, đất trồng lúa phục vụ các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án đã được giao đất, cho thuê đất; kiên quyết tham mưu thu hồi đất của các dự án chậm tiến độ kéo dài, vi phạm quy định của Nhà nước; báo cáo kết quả rà soát, đề xuất thu hồi các dự án với Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 30/9/2024. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường; kịp thời, kiểm tra, ngăn chặn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

d) Thường xuyên theo dõi, thực hiện tốt công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức sản xuất. Tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.7. Sở Giao thông vận tải

a) Xây dựng phương án tổ chức vận tải, huy động tối đa phương tiện vận chuyển hành khách bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân; tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh vận tải, xử lý nghiêm các vi phạm, hành vi tăng giá vé trái quy định.

b) Rà soát vị trí các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến đường bộ, kiểm tra điều kiện bảo đảm an toàn của kết cấu hạ tầng giao thông, bổ sung hệ thống báo hiệu, bảng chỉ dẫn bảo đảm dễ nhận biết, tạo thuận lợi cho người tham gia giao thông và sẵn sàng ứng phó với mùa mưa bão, nhất là các tuyến đường khu vực miền núi cao và các tuyến có nguy cơ ngập lụt. Tham mưu việc sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025.

c) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo đơn vị thi công tập trung máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu, nhân lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công các dự án do sở làm chủ đầu tư; nhất là dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoàng Hóa. Tiếp tục tham mưu đầu tư tuyến đường giao thông nối đường Hồ Chí Minh (tại xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc) với Quốc lộ 6 (tại xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình), đường vành đai 3 nhánh Đông đoạn từ huyện Hoàng Hóa đến huyện Quảng Xương; hoàn thiện Đề án xã hội hóa đầu tư, khai thác Cảng hàng không Thọ Xuân theo phương thức PPP; hoàn thiện các thủ tục đầu tư để triển khai thực hiện dự án nạo vét luồng tàu vào cảng Nghi Sơn, Khu kinh tế Nghi Sơn.

2.8. Sở Xây dựng

a) Tập trung rà soát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ lập, trình phê duyệt các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch, trật tự xây dựng.

b) Tổ chức khảo sát, điều tra thông tin giá vật liệu xây dựng, báo cáo kết quả khảo sát giá vật liệu xây dựng trên địa bàn đối với các loại VLXD phổ biến và chủ yếu có trên địa bàn định kỳ hằng tháng, quý, trong đó phải xác định rõ tên, địa chỉ, đơn vị khai thác, tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ và căn cứ để xác định giá đến hiện trường xây lắp trên địa bàn để kịp thời cập nhật, công bố hằng tháng giá những loại vật liệu có biến động lớn để các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng được biết, thực hiện.

c) Triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản. Tham mưu, triển khai thực hiện các giải pháp đẩy mạnh việc phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp.

2.9. Sở Nội vụ tập trung tham mưu sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục Đề án nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa; Đề án thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh thuộc huyện Hà Trung; rà soát, sắp xếp tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, đơn vị gắn với tinh giản biên chế; thực hiện có hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính; chính sách tinh giản biên chế năm 2024. Khẩn trương hoàn thiện quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 221/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND tỉnh⁵². Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra đột xuất, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm sai phạm trong thực thi công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính.

2.10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các điều kiện cần thiết để tổ chức các hoạt động, sự kiện, văn hóa thể thao và du lịch năm 2024; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của tỉnh. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch, xây dựng hình

⁵² Về việc ban hành quy định về việc đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

ảnh, thương hiệu du lịch hấp dẫn, có điểm nhấn riêng; phối hợp có hiệu quả với Tập đoàn BBC để thực hiện chương trình hợp tác quảng bá ngành du lịch xứ Thanh đến bạn bè quốc tế trên kênh BBC của Anh; khẩn trương tham mưu xây dựng các chính sách thuộc lĩnh vực thể thao, du lịch trong chương trình công tác của UBND tỉnh. Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục các dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực văn hóa để sớm triển khai thực hiện.

2.11. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, hiệu quả. Phối hợp với các địa phương tổ chức các hoạt động hè cho học sinh có một kỳ nghỉ hè ý nghĩa, an toàn và lành mạnh, đảm bảo an toàn tuyệt đối. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục tỉnh Thanh Hóa năm học 2024 - 2025; chuẩn bị tốt các điều kiện về cơ sở vật chất, trường lớp để khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; tham mưu các giải pháp để khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên trên địa bàn.

b) Phối hợp với các ngành, địa phương thường xuyên kiểm tra các cơ sở giáo dục, trường học có hoạt động sử dụng xe ô tô đưa đón học sinh; yêu cầu tất cả các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh có sử dụng xe ô tô đưa đón học sinh đến trường thực hiện nghiêm quy định về kỹ thuật, quy trình đưa đón, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho học sinh.

2.12. Sở Y tế tiếp tục tham mưu, triển khai thực hiện linh hoạt, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; chỉ đạo các cơ sở y tế nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật mới, hiện đại trong khám và điều trị bệnh. Tiếp tục theo dõi, tham mưu các giải pháp để kịp thời giải quyết các tình huống, khó khăn, vướng mắc phát sinh liên quan đến đấu thầu các gói thầu mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm cho các cơ sở y tế công lập trong ngành. Đẩy mạnh quản lý hoạt động hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; xử lý nghiêm trường hợp vi phạm theo quy định.

2.13. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chương trình, chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội; tham mưu tổ chức tốt các hoạt động tri ân người có công với cách mạng nhân dịp kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh - Liệt Sĩ (27/7/1947-27/7/2024).

b) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch triển khai công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục

ngành nghiệp khởi nghiệp năm 2024⁵³; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện tốt công tác tuyển sinh đảm bảo theo kế hoạch.

c) Tham mưu xây dựng kế hoạch đào tạo lao động trên địa bàn tỉnh; theo dõi chặt chẽ tình hình việc làm của người lao động trong các doanh nghiệp, đề có các giải pháp hỗ trợ tuyển dụng lao động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật lao động, các chế độ, chính sách cho người lao động tại các doanh nghiệp; đẩy mạnh công tác kiểm tra an toàn lao động, nhất là tại các cơ sở sản xuất công nghiệp có dây chuyền máy móc quy mô lớn, phức tạp, góp phần bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe cho người lao động. Triển khai các biện pháp giảm thiểu tai nạn thương tích trẻ em, nhất là tai nạn đuối nước trong thời gian nghỉ hè. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh triển khai các giải pháp mở rộng diện bao phủ đối tượng tham gia BHXH, thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ đọng tiền BHXH, BHYT, BHTN.

2.14. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong tất cả các lĩnh vực; đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ. Tham mưu quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2.15. Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền về các nhiệm vụ chính trị, sự kiện quan trọng và kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kịp thời ngăn chặn, phản bác, xử lý nghiêm các thông tin xấu độc; tăng cường hướng dẫn thực hiện nghiêm việc cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; tham mưu thực hiện đồng bộ có hiệu quả các giải pháp để nâng cao chỉ số đánh giá chuyển đổi số của tỉnh để đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện cả 3 trụ cột “chính quyền số, kinh tế số và xã hội số”. Tiếp tục đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án chuyển đổi số; thực hiện tốt công tác quản lý bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

2.16. Sở Tư pháp tập trung nâng cao chất lượng thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình HĐND, UBND tỉnh; tăng cường hướng dẫn việc thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, xử lý các văn bản trái quy định của pháp luật theo quy định. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, công tác trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật phù hợp với từng đối tượng, địa bàn cụ thể, nhất là các luật, nghị định mới ban hành.

2.17. Thanh tra tỉnh tập trung nâng cao hiệu quả các cuộc thanh tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị xử lý sau thanh tra; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ các ngành, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện chỉ

⁵³ Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 26/04/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

đạo của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng chông chéo trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. Nắm chắc tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn, tham mưu giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc theo quy định.

2.18. Sở Ngoại vụ tăng cường liên kết, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; trọng tâm là củng cố, tăng cường, làm sâu sắc hơn nữa quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố nước ngoài, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư quốc tế nhằm thu hút nguồn lực bên ngoài vào đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tham mưu việc tổ chức đoàn công tác liên ngành của tỉnh sang tập huấn chính sách, pháp luật cho bà con kiều bào tỉnh Thanh Hóa đang sinh sống, làm việc tại tỉnh Hòa Phố, nước CHDCND Lào.

2.19. Ban Dân tộc tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi, giai đoạn 2021 - 2025 và các chương trình, dự án, chính sách cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh. Đôn đốc UBND các huyện đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Tham mưu chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức Đại hội đại biểu các Dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa lần thứ IV.

2.20. Cục Thuế tỉnh triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp quản lý thuế, tập trung khai thác các nguồn thu mới, vãng lai, nguồn thu còn dư địa, đảm bảo hoàn thành và vượt dự toán giao; triển khai quyết liệt công tác thu nợ thuế, rà soát, phân loại chính xác các khoản nợ để đôn đốc thu nợ. Thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh điện tử hóa trong quản lý thuế. Tăng cường công tác quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử; kiểm tra, giám sát việc sử dụng hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng đối với hoạt động kinh doanh, bán lẻ xăng dầu, nghiên cứu mở rộng triển khai hóa đơn điện tử ra nhiều ngành, lĩnh vực đặc thù khác có dư địa thu lớn, có rủi ro cao về thuế.

2.21. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thanh Hóa chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng, đẩy mạnh hoạt động kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của khách hàng, không ép buộc các tổ chức, cá nhân mua bảo hiểm dưới mọi hình thức, nhất là việc bán bảo hiểm kèm với những sản phẩm của ngân hàng, qua đó tạo điều kiện thuận lợi tối đa, giảm chi phí để người dân, doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, nhất là vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng của tỉnh; thực hiện nghiêm túc việc công bố, công khai mặt bằng lãi suất cho vay theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hệ thống các tổ chức tín dụng.

2.22. Cục Hải quan Thanh Hóa tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan, tăng cường công tác giám sát quản lý hải quan, giải quyết kịp thời vướng mắc, thông quan nhanh hàng hóa xuất, nhập khẩu. Thực hiện tốt công tác đối thoại Hải Quan - Doanh nghiệp và chương trình thí điểm hỗ

trợ, khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ pháp luật hải quan; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về chính sách và thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực hải quan cho doanh nghiệp, từ đó xây dựng niềm tin để kêu gọi doanh nghiệp xuất, nhập khẩu qua Cảng Nghi Sơn. Tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan, kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm, phân đấu tăng thu, vượt dự toán.

2.23. Cục Quản lý thị trường tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan, tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường; tiếp tục đấu tranh, phòng chống hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh, tăng cường công tác quản lý địa bàn đối với mặt hàng xăng dầu, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Thường xuyên giám sát thị trường, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

2.24. Bảo hiểm Xã hội tỉnh tiếp tục giải quyết, chi trả đầy đủ, kịp thời các quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm; triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN; đôn đốc thu, giảm nợ, không để phát sinh nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN. Tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành việc chấp hành quy định pháp luật BHXH, BHYT tại các đơn vị sử dụng lao động, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật.

2.25. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh tiếp tục tham mưu hoàn thiện bộ tài liệu phục vụ công tác xúc tiến đầu tư sử dụng công nghệ số; chủ động đấu mối với các cơ quan, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nước ngoài để tăng cường giới thiệu, tuyên truyền về môi trường, cơ hội đầu tư tại tỉnh; tham mưu các giải pháp củng cố quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống; đồng thời, thiết lập và mở rộng quan hệ với các đối tác mới, nhằm xúc tiến, kết nối các cơ hội hợp tác đầu tư kinh doanh về tỉnh.

2.26. Công an tỉnh tập trung đấu tranh trấn áp tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, sử dụng vũ khí, hung khí nguy hiểm để gây án, tội phạm ma túy, tội phạm công nghệ cao, tội phạm can dự vào các hoạt động kinh tế. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy. Tăng cường phòng cháy, chữa cháy, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do cháy, nổ gây ra; triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2.27. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi sát tình hình, chủ động có biện pháp phù hợp, ứng phó kịp thời, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia xử lý tốt các tình huống xảy ra sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn... Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện năm 2024; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch.

2.28. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Tăng cường nắm bắt tình hình, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhất là nhóm doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực, đóng góp lớn vào tăng trưởng và thu ngân sách của huyện, của tỉnh.

b) Tập trung đơn đốc, chỉ đạo UBND các xã, các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024. Thực hiện nghiêm việc bố trí vốn đối ứng cho các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh theo đúng cam kết. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sử dụng đất thuộc cấp huyện quản lý; thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất các dự án, tạo nguồn thu ngân sách để bố trí cho các dự án đầu tư công năm 2024.

c) Thực hiện có hiệu quả kế hoạch GPMB các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, tăng cường tần suất công tác quan trắc, giám sát môi trường để cảnh báo sớm, hướng dẫn cho người dân thực hiện các giải pháp hiệu quả nhằm giảm thiểu thiệt hại, đảm bảo sức khỏe. Triển khai thực hiện có hiệu quả các phương án phòng chống cháy rừng, tuyệt đối không để xảy ra cháy rừng.

d) Tăng cường kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý; đặc biệt là các công trình đê điều, hồ đập, chống ngập úng, hạn hán, sạt lở... để xử lý ngay các hư hỏng, có phương án đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ. Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, vật tư, phương tiện, hậu cần để triển khai ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai, sự cố xảy ra theo phương châm “4 tại chỗ”.

e) Yêu cầu ngành điện phân công cán bộ “đi từng ngõ, gõ từng nhà” kiểm tra, hướng dẫn người dân quản lý, sử dụng điện an toàn, khắc phục tình trạng sử dụng điện không đúng cách, không đúng yêu cầu của nhà sản xuất, góp phần hạn chế cháy, nổ do điện gây ra. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt là phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước trẻ em./.

Nơi nhận:

- VP: Chính phủ, Quốc hội, Chủ tịch nước (để b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c);
- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (để b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH. (288.2024)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Biểu số 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số 136 /BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2023	KH năm 2024	Ước TH 6 tháng năm 2024	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2024
A	CHỈ TIÊU TỔNG HỢP						
I	Tổng sản phẩm trên địa bàn - GRDP (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	66.806	159.754	74.484	111,5	46,6
<i>1</i>	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>9.758</i>	<i>19.521</i>	<i>10.092</i>	<i>103,4</i>	<i>51,7</i>
<i>2</i>	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>31.773</i>	<i>79.379</i>	<i>37.459</i>	<i>117,9</i>	<i>47,2</i>
-	Công nghiệp	"	23.658	56.356	28.647	121,1	50,8
-	Xây dựng	"	8.114	23.023	8.813	108,6	38,3
<i>3</i>	<i>Dịch vụ</i>	"	<i>20.992</i>	<i>50.361</i>	<i>22.495</i>	<i>107,2</i>	<i>44,7</i>
<i>4</i>	<i>Thuế sản phẩm</i>	"	<i>4.282</i>	<i>10.493</i>	<i>4.438</i>	<i>103,6</i>	<i>42,3</i>
II	Tổng sản phẩm trên địa bàn - GRDP (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	129.973		149.726	115,2	
<i>1</i>	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>20.223</i>		<i>21.621</i>	<i>106,9</i>	
<i>2</i>	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>62.625</i>		<i>75.743</i>	<i>120,9</i>	
-	Công nghiệp	"	48.382		60.585	125,2	
-	Xây dựng	"	14.242		15.157	106,4	
<i>3</i>	<i>Dịch vụ</i>	"	<i>38.863</i>		<i>43.504</i>	<i>111,9</i>	
<i>4</i>	<i>Thuế sản phẩm</i>	"	<i>8.262</i>		<i>8.858</i>	<i>107,2</i>	
III	Thu - Chi ngân sách nhà nước						
<i>1</i>	<i>Thu ngân sách nhà nước</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>21.096</i>	<i>35.567</i>	<i>27.347</i>	<i>129,6</i>	<i>76,9</i>
-	Thu nội địa	"	12.178	22.017	16.672	136,9	75,7
-	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	<i>Tỷ đồng</i>	8.918	13.550	10.675	119,7	78,8

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2023	KH năm 2024	Ước TH 6 tháng năm 2024	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2024
2	<i>Chi ngân sách nhà nước</i>	<i>Tỷ đồng</i>	17.887	43.089	19.926	111,4	46,2
IV	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	63.872	135.000	65.885	103,2	48,8
V	Thành lập mới doanh nghiệp	DN	1.272	3.000	1.364	107,2	45,5
B	CHỈ TIÊU KINH TẾ						
I	Nông nghiệp						
1	Trồng trọt						
a	<i>Diện tích gieo trồng vụ đông xuân</i>	<i>Ha</i>	238.079	236.000	237.758	99,9	100,7
	+ Vụ đông	"	47.035	45.000	47.088	100,1	104,6
	+ Vụ chiêm xuân	"	191.044	191.000	190.670	99,8	99,8
b	<i>Sản lượng lương thực vụ đông xuân</i>	<i>Tấn</i>	889.803	888.820	893.029	100,4	100,5
	+ Vụ đông	"	63.455	63.450	63.743	100,5	100,5
	+ Vụ chiêm xuân	"	826.348	825.370	829.286	100,4	100,5
-	<i>Lúa</i>						
	+ Diện tích lúa chiêm xuân	Ha	113.695	112.500	113.588	99,9	101,0
	+ Năng suất	Tạ/ha	67,1	64,0	67,5	100,6	105,4
	+ Sản lượng	Tấn	762.680	720.000	766.463	100,5	106,5
-	<i>Ngô đông xuân</i>						
	+ Diện tích	Ha	26.571	28.000	26.228	98,7	93,7
	+ Năng suất	Tạ/ha	47,8	47,5	48,4	101,2	101,9
	+ Sản lượng	Tấn	127.074	133.000	126.997	99,9	95,5
	Trong đó: Vụ chiêm xuân						
	+ Diện tích	Ha	13.458	14.000	13.254	98,5	94,7

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2023	KH năm 2024	Ước TH 6 tháng năm 2024	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2024
	+ Năng suất	Tạ/ha	47,3	47,0	48,3	102,3	102,9
	+ Sản lượng	Tấn	63.619	65.800	64.071	100,7	97,4
-	<i>Lạc đông xuân</i>						
	+ Diện tích	Ha	7.311	7.300	6.966	95,3	95,4
	+ Năng suất	Tạ/ha	22,9	21,0	23,3	101,9	111,1
	+ Sản lượng	Tấn	16.747	15.330	16.251	97,0	106,0
2	<i>Chăn nuôi</i>						
-	Tổng đàn trâu	Con	160.386	175.000	130.645	81,5	74,7
-	Tổng đàn bò	"	251.568	275.000	228.460	90,8	83,1
-	Tổng đàn lợn	"	1.106.637	1.400.000	1.186.370	107,2	84,7
-	Tổng đàn gia cầm	Triệu con	25,3	26,0	26,6	104,8	102,1
-	Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	143	300	151	105,8	50,4
-	Sản lượng trứng	1.000 quả	133	310	145	109,0	46,9
-	Sữa tươi	tấn	19.380		21.240	109,6	
3	<i>Lâm nghiệp</i>						
-	Diện tích bảo vệ rừng	ha	600.836	600.836	600.836	100,0	100,0
-	Chăm sóc rừng trồng	"	40.000	40.000	40.000	100,0	100,0
-	Trồng rừng tập trung	"	5.822	10.000	6.100	104,8	61,0
-	Khai thác lâm sản						
	+ Gỗ	m ³	427.000	1.020.000	494.500	115,8	48,5
	+ Tre luồng	Triệu cây	32,5	62,9	33,0	101,5	52,5
	+ Nguyên liệu giấy	Tấn	41.500	83.200	43.000	103,6	51,7
4	<i>Thủy sản</i>						

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2023	KH năm 2024	Ước TH 6 tháng năm 2024	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2024
a	Sản lượng thủy sản	Tấn	104.387	213.000	106.892	102,4	50,2
-	Sản lượng khai thác	"	68.188	138.500	69.089	101,3	49,9
-	Sản lượng nuôi trồng	"	36.199	74.500	37.803	104,4	50,7
b	Tổng diện tích nuôi trồng		19.200	19.200	19.200	100,0	100,0
-	Diện tích nuôi trồng nước mặn, lợ	Ha	5.100	5.200	5.200	102,0	100,0
-	Diện tích nuôi trồng nước ngọt	"	14.100	14.000	14.000	99,3	100,0
5	Xây dựng nông thôn mới	Huyện, xã	13 xã NTM; 24 xã NTM nâng cao; 01 xã NTM kiểu mẫu	01 huyện, 17 xã NTM; 02 huyện, 19 xã NTM nâng cao; 10 xã NTM kiểu mẫu	04 xã NTM; 13 xã NTM nâng cao; 09 xã NTM kiểu mẫu		
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM	%	77,0	81,7	78,3		
II	Công nghiệp						
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	107,1		115,8		
2	Sản phẩm công nghiệp chủ yếu						
-	Xi măng các loại	1.000 tấn	8.913	20.000	9.430	105,8	47,1
-	Đường kết tinh	Tấn	33.765	50.000	61.149	181,1	122,3
-	Bia các loại	1.000 lít	17.490	50.000	14.831	84,8	29,7
-	Thuốc lá bao	1.000 bao	121.060	250.000	152.535	126,0	61,0
-	Giày thể thao	1.000 đôi	110.475	230.000	128.040	115,9	55,7
-	Quần áo may sẵn	1.000 cái	285.735	530.000	318.880	111,6	60,2
-	Phân bón các loại	Tấn	91.071	350.000	91.435	100,4	26,1
-	Gạch xây	Tr.viên	1.010	2.500	1.114	110,3	44,5

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2023	KH năm 2024	Ước TH 6 tháng năm 2024	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2024
-	Thức ăn gia súc	Tấn	99.616	200.000	106.290	106,7	53,1
-	Nước máy sản xuất	1.000 m ³	27.230	72.000	27.448	100,8	38,1
-	Điện thương phẩm	Tr.Kwh	3.602	7.774	3.988	110,7	51,3
-	Điện sản xuất	Tr.Kwh	4.858	12.421	6.991	143,9	56,3
-	Xăng các loại	1.000 tấn	1.569	2.800	1.935	123,3	69,1
-	Dầu Diesel các loại	1.000 tấn	2.428	4.200	3.251	133,9	77,4
-	Sáp parafin	1.000 tấn	182	500	344	189,2	68,8
-	Benzen	1.000 tấn	121	295	171	141,3	57,9
-	Lưu huỳnh rắn	1.000 tấn	160	250	221	137,9	88,5
-	Thép	1.000 tấn	1.931	3.000	2.167	112,2	72,2
III	Dịch vụ						
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	83.607	188.000	94.392	112,9	50,2
2	Xuất khẩu						
<i>a</i>	<i>Giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ</i>	<i>1.000 USD</i>	<i>2.364</i>	<i>6.000</i>	<i>2.882</i>	<i>121,9</i>	<i>48,0</i>
<i>b</i>	<i>Mặt hàng xuất khẩu chính ngạch chủ yếu</i>						
	+ Dưa chuột đóng hộp	Tấn	482	900	949	196,9	105,4
	+ Súc sản xuất khẩu	"	325	1.000	337	103,6	33,7
	+ Hàng dệt may	1.000 SP	175.127	359.971	211.904	121,0	58,9
	+ Giày xuất khẩu	1.000 đôi	139.554	300.000	169.559	121,5	56,5
	+ Lưu huỳnh	Tấn	119.417	350.000	144.733	121,2	41,4
	+ Benzen	Tấn	55.146	280.000	86.083	156,1	30,7
	+ Polypropylen	Tấn	178.086	480.000	305.774	171,7	63,7

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2023	KH năm 2024	Ước TH 6 tháng năm 2024	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2024
	+ Dăm gỗ	m3	273.008	1.500.000	442.000	161,9	29,5
	+ Thuốc lá bao	1000 bao	8.258	16.500	11.066	134,0	67,1
3	Du lịch						
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	15.247	32.387	19.849	130,2	61,3
-	Tổng lượt khách	1.000 lượt khách	8.424	13.800	9.781	116,1	70,9
	<i>Trong đó: khách quốc tế</i>	"	215	719	261	121,3	36,3
4	Vận tải						
<i>a</i>	<i>Vận tải hàng hóa</i>						
-	Khối lượng vận chuyển	1.000 tấn	24.991	71.500	27.915	111,7	39,0
-	Khối lượng luân chuyển	1.000 T.km	1.486.247	3.215.200	1.672.028	112,5	52,0
<i>b</i>	<i>Vận tải hành khách</i>						
-	Khối lượng vận chuyển	1.000 HK	11.015	39.200	12.315	111,8	31,4
-	Khối lượng luân chuyển	1.000 HK.km	1.149.445	2.575.360	1.310.367	114,0	50,9
<i>c</i>	<i>Hàng hoá thông qua cảng</i>	<i>1.000 tấn</i>	<i>22.835</i>	<i>46.200</i>	<i>29.800</i>	<i>130,5</i>	<i>64,5</i>
	<i>Trong đó: qua cảng Nghi Sơn</i>	"	<i>23.541</i>	<i>46.000</i>	<i>29.765</i>	<i>126,4</i>	<i>64,7</i>
<i>d</i>	<i>Doanh thu ngành vận tải</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>8.589</i>	<i>20.150</i>	<i>9.775</i>	<i>113,8</i>	<i>48,5</i>
5	Bưu chính - viễn thông						
-	Số máy điện thoại	Thuê bao	2.896.131	3.000.000	2.897.000	100,0	96,6
	+ Cố định	"	25.500	24.000	20.350	79,8	84,8
	+ Di động	"	2.894.872	2.976.000	2.876.650	99,4	96,7
-	Mật độ điện thoại	Máy/100 dân	78,1	81,63	76,9		

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2023	KH năm 2024	Ước TH 6 tháng năm 2024	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2024
-	Số thuê bao Internet	Thuê bao	2.448.018	2.400.000	2.649.000	108,2	110,4
-	Mật độ người sử dụng Internet	Thuê bao/100 dân	64,88	66,66	71,17	109,7	106,8
-	Doanh thu dịch vụ bưu chính - viễn thông	Tỷ đồng	2.300	5.300	2.685	116,7	50,7
C	CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI						
I	Y tế						
<i>a</i>	<i>Dân số</i>						
	Dân số trung bình	1.000 người	3.728	3.756	3.739	100,3	99,5
	Mức giảm tỷ lệ sinh	%	0	0,1	0,1	100,0	100,0
	Tốc độ tăng dân số bình quân	%	Dưới 1%	Dưới 1%	0,3		
<i>b</i>	<i>Y tế</i>						
-	Số giường bệnh (không bao gồm giường bệnh trạm y tế xã)	Giường	13.993	14.153	13.993	100,0	98,9
-	Số giường bệnh/10.000 dân (không bao gồm giường bệnh trạm y tế xã)	Giường	37,5	37,7	37,4	99,7	99,2
-	Số bác sỹ/10.000 dân	Người	11,7	12,5	12,0		
-	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	%	10,0	9,0	9,5		
-	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	%	15,0	14,0	14,5		
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	13,5	12,8	13,0		
-	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	85,7	86,0	84,8		
II	Lao động và việc làm						
-	Số lao động được tạo việc làm mới trong năm	Người	30.550	58.000	30.600	100,2	52,8

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2023	KH năm 2024	Ước TH 6 tháng năm 2024	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2024
-	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	30.083	83.380	30.250	100,6	36,3
-	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	5.612	6.000	5.976	106,5	99,6
-	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	73,0	74,0	73,5	100,7	99,3
	<i>Trong đó: có văn bằng, chứng chỉ</i>	%	29	30	29	100,7	99,0
III	Văn hoá, Thể thao, Phát thanh - truyền hình						
1	Văn hoá						
-	Số di tích được tu bổ	Di tích	30	30	30	100,0	100,0
2	Thể thao						
-	Tỷ lệ dân số tập luyện thể thao thường xuyên	%	44	45	44	100,7	99,3
-	Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao	%	31	31	31	100,0	99,4
-	Tỷ lệ trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất	%	100	100	100	100,0	100,0
-	Số VĐV cấp tỉnh đào tạo tập trung	VĐV	800	800	800	100,0	100,0
3	Phát thanh, truyền hình						
-	Số giờ tiếp sóng Đài tiếng nói Việt Nam	Giờ/năm	234	468	234	100,0	50,0
-	Số giờ phát sóng phát thanh chương trình địa phương	Giờ/năm	2.686	5.372	2.686	100,0	50,0
	<i>Trong đó: Phát tiếng dân tộc</i>	<i>Giờ/năm</i>	<i>213</i>	<i>487</i>	<i>243</i>	<i>114,1</i>	<i>49,9</i>
-	Tỷ lệ dân số được phủ sóng phát thanh	%	100	100	100	100	100

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	TH 6 tháng năm 2023	KH năm 2024	Ước TH 6 tháng năm 2024	So sánh với (%)	
						Cùng kỳ	KH năm 2024
-	Số giờ phát sóng truyền hình chương trình địa phương	Giờ/năm	3.331	6.661	3.331	100	100
	<i>Trong đó: Phát tiếng dân tộc</i>	<i>Giờ/năm</i>	<i>213</i>	<i>487</i>	<i>243</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
-	Tỷ lệ dân số được phủ sóng truyền hình	%	100	100	100	100	100
IV	Giáo dục, đào tạo						
1	Số xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Xã	559	559	559	100,0	100,0
	- Tỷ lệ xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	%	100	100	100	100,0	100,0
2	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	1.688	1.717	1.690	100,1	98,4
	+ Mầm non	"	572	583	575	100,5	98,6
	+ Tiểu học	"	543	540	534	98,3	98,9
	+ Trung học cơ sở	"	521	525	520	99,8	99,0
	+ Trung học phổ thông	"	52	69	61	117,3	88,4
3	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	83,90	86,67	85,31	101,7	98,4
V	Quốc phòng - an ninh						
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	80	80	80	100,0	100,0

Biểu số 2: KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số 136 /BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Doanh nghiệp.

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	6 tháng đầu năm 2023	Kế hoạch năm 2024	6 tháng đầu năm 2024	So sánh		Ghi chú
					Kế hoạch	Cùng kỳ	
	Tổng số	1.272	3.000	1.364	45,47	107,23	
I	Vùng đồng bằng	796	2.120	864	40,8	108,5	
1	Thành phố Thanh Hóa	480	1.470	491	33,4	102,3	
2	Thị xã Bỉm Sơn	41	80	41	51,3	100,0	
3	Huyện Thọ Xuân	69	150	83	55,3	120,3	
4	Huyện Đông Sơn	41	60	17	28,3	41,5	
5	Huyện Nông Cống	29	65	58	89,2	200,0	
6	Huyện Triệu Sơn	44	75	59	78,7	134,1	
7	Huyện Hà Trung	14	50	27	54,0	192,9	
8	Huyện Yên Định	36	70	35	50,0	97,2	
9	Huyện Thiệu Hóa	28	55	35	63,6	125,0	
10	Huyện Vĩnh Lộc	14	45	18	40,0	128,6	
II	Vùng ven biển	327	620	345	55,6	105,5	
1	Thành phố Sầm Sơn	60	145	69	47,6	115,0	
2	Thị xã Nghi Sơn	99	165	89	53,9	89,9	
3	Huyện Hậu Lộc	18	55	29	52,7	161,1	
4	Huyện Hoằng Hóa	58	115	69	60,0	119,0	
5	Huyện Quảng Xương	60	90	60	66,7	100,0	
6	Huyện Nga Sơn	32	50	29	58,0	90,6	

Số TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	6 tháng đầu năm 2023	Kế hoạch năm 2024	6 tháng đầu năm 2024	So sánh		Ghi chú
					Kế hoạch	Cùng kỳ	
III	Vùng miền núi	149	260	155	59,6	104,0	
1	Huyện Thạch Thành	21	45	27	60,0	128,6	
2	Huyện Cẩm Thủy	15	40	21	52,5	140,0	
3	Huyện Ngọc Lặc	40	50	28	56,0	70,0	
4	Huyện Lang Chánh	6	10	5	50,0	83,3	
5	Huyện Như Xuân	16	15	12	80,0	75,0	
6	Huyện Như Thanh	23	40	16	40,0	69,6	
7	Huyện Thường Xuân	9	15	16	106,7	177,8	
8	Huyện Bá Thước	12	20	15	75,0	125,0	
9	Huyện Quan Hóa	2	10	5	50,0	250,0	
10	Huyện Quan Sơn	5	10	9	90,0	180,0	
11	Huyện Mường Lát		5	1	20,0	-	

Biểu số 3: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số 136 /BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch vốn				Giá trị giải ngân từ đầu năm đến ngày 17/6/2024					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tỷ lệ (%)	
			KH vốn năm 2024	KH vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024	KH vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024		Giá trị GN KH vốn năm 2024	Giá trị GN KH vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Giá trị GN KH vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024		
	TỔNG SỐ	12.836.445	12.115.663	647.679	73.103	5.352.957	5.133.913	211.731	7.313	41,7	
A	SỐ VỐN KHÔNG PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC CHỦ ĐẦU TƯ	5.861.811	5.850.224	9.020	2.567	2.693.133	2.693.133			45,9	
B	SỐ VỐN PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC CHỦ ĐẦU TƯ	6.974.634	6.265.439	638.659	70.536	2.659.824	2.440.780	211.731	7.313	38,1	
I	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	2.310.592	1.964.194	339.395	7.003	573.345	449.571	123.774		24,8	
1	Sở Thông tin và truyền thông	532	532			532	532			100,0	
2	Sở Y tế	200	200			200	200			100,0	
3	Trường THPT chuyên Lam Sơn	2.191	2.191			2.191	2.191			100,0	
4	Văn phòng Tỉnh ủy	649	649			648	648			99,8	
5	Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	716	716			702	702			98,0	
6	Sở Công thương	5.979	5.979			5.456	5.456			91,3	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	18.500	18.500			11.014	11.014			59,5	
8	Văn phòng UBND tỉnh	14.590	14.590			8.438	8.438			57,8	
9	Ban Dân tộc	4.103	2.100		2.003	2.090	2.090			50,9	
10	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	99.018	99.018			45.766	45.766			46,2	

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch vốn				Giá trị giải ngân từ đầu năm đến ngày 17/6/2024					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tỷ lệ (%)	
			KH vốn năm 2024	KH vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024	KH vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024		Giá trị GN KH vốn năm 2024	Giá trị GN KH vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Giá trị GN KH vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024		
11	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	288.679	97.146	186.533	5.000	125.709	43.725	81.984		43,5	
12	Ban quản lý dự án đầu tư các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa	220.462	67.600	152.862		77.837	36.047	41.790		35,3	
13	Sở Giao thông vận tải	377.650	377.650			98.252	98.252			26,0	
14	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	29.158	29.158			7.486	7.486			25,7	
15	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	56.200	56.200			10.529	10.529			18,7	
16	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	32.082	32.082			5.881	5.881			18,3	
17	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa	531.700	531.700			92.386	92.386			17,4	
18	Ban quản lý đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa	478.573	478.573			75.445	75.445			15,8	
19	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	59.610	59.610			2.783	2.783			4,7	
20	Công an tỉnh	90.000	90.000								Dự án mới được giao kế hoạch vốn ngày 31/5/2024
II	Các huyện, thị xã, thành phố	4.661.851	4.299.128	299.190	63.533	2.085.288	1.990.092	87.883	7.313	44,7	

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch vốn				Giá trị giải ngân từ đầu năm đến ngày 17/6/2024					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tỷ lệ (%)	
			KH vốn năm 2024	KH vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024	KH vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024		Giá trị GN KH vốn năm 2024	Giá trị GN KH vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Giá trị GN KH vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024		
1	Huyện Thiệu Hóa	167.720	167.720			144.511	144.511			86,2	
2	Huyện Quảng Xương	148.651	148.570	50	31	128.050	128.019		31	86,1	
3	Huyện Yên Định	67.485	67.244	241		55.766	55.566	200		82,6	
4	Huyện Hậu Lộc	71.035	63.977	5.876	1.182	55.803	53.721	2.082		78,6	
5	Thị xã Bỉm Sơn	70.975	70.975			54.860	54.860			77,3	
6	Huyện Hoằng Hóa	47.059	46.936		123	35.121	34.998		123	74,6	
7	Huyện Đông Sơn	34.173	34.173			23.364	23.364			68,4	
8	Huyện Nga Sơn	114.996	101.521	10.810	2.665	75.810	75.000	810		65,9	
9	Thành phố Sầm Sơn	116.919	116.741	178		76.933	76.933			65,8	
10	Huyện Như Xuân	99.855	97.617	1.956	282	64.038	62.799	1.123	116	64,1	
11	Huyện Nông Cống	59.978	59.978			37.862	37.862			63,1	
12	Huyện Triệu Sơn	227.063	226.670	8	385	135.165	134.852	8	305	59,5	
13	Huyện Cẩm Thủy	114.357	106.391	6.275	1.691	65.067	63.389	1.678		56,9	
14	Thành phố Thanh Hóa	289.150	289.150			157.904	157.904			54,6	
15	Huyện Thạch Thành	147.509	140.238	6.982	289	78.838	74.085	4.753		53,4	
16	Huyện Vĩnh Lộc	107.651	106.751	900		57.019	56.119	900		53,0	
17	Huyện Quan Hóa	187.938	155.215	27.806	4.917	95.815	81.944	13.403	468	51,0	
18	Huyện Thọ Xuân	103.598	101.798	1.800		50.085	49.485	600		48,3	
19	Huyện Lang Chánh	159.916	148.047	11.833	36	73.108	64.157	8.951		45,7	
20	Huyện Bá Thước	292.430	252.180	39.934	316	131.686	124.050	7.636		45,0	

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch vốn				Giá trị giải ngân từ đầu năm đến ngày 17/6/2024					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tỷ lệ (%)	
			KH vốn năm 2024	KH vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024	KH vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024		Giá trị GN KH vốn năm 2024	Giá trị GN KH vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Giá trị GN KH vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024		
21	Huyện Thường Xuân	265.164	162.953	74.794	27.416	111.895	98.903	11.983	1.009	42,2	
22	Huyện Như Thanh	126.414	115.525	10.889		51.896	41.816	10.080		41,1	
23	Huyện Quan Sơn	197.736	177.416	19.975	345	68.673	61.704	6.923	46	34,7	
24	Huyện Hà Trung	66.430	64.670	1.760		20.226	19.480	746		30,4	
25	Huyện Mường Lát	252.901	169.379	64.518	19.004	66.605	52.074	13.061	1.470	26,3	
26	Huyện Ngọc Lặc	411.259	401.157	9.581	521	64.724	62.407	2.317		15,7	
27	Thị xã Nghi Sơn	713.489	706.136	3.024	4.329	104.464	100.090	629	3.745	14,6	
III	Các đơn vị khác	2.191	2.117	74		1.191	1.117	74		54,4	
1	Liên minh Hợp tác xã	74		74		74		74		100,0	
2	Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	2.117	2.117			1.117	1.117			52,8	

Biểu số 4: TÌNH HÌNH THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Báo cáo số 136 /BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Số TT	Đơn vị	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024								
		Dự toán thu NSNN năm 2024			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024			So sánh thực hiện/dự toán (%)		
		Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thu nội địa còn lại	Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thu nội địa còn lại	Tổng số	Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thu nội địa còn lại
	Tổng số	10.849.341	7.000.000	3.849.341	7.852.084	4.994.463	2.857.621	72,4%	71,3%	74,2%
1	Thành phố Thanh Hóa	2.481.163	1.360.000	1.121.163	1.086.036	339.297	746.739	43,8%	24,9%	66,6%
2	Thành phố Sầm Sơn	756.831	470.000	286.831	555.178	339.907	215.271	73,3%	72,3%	75,1%
3	Thị xã Bỉm Sơn	283.358	110.000	173.358	292.687	126.971	165.716	103,3%	115,4%	95,6%
4	Thị xã Nghi Sơn	982.227	650.000	332.227	908.398	552.627	355.771	92,5%	85,0%	107,1%
5	Huyện Hà Trung	460.559	240.000	220.559	340.572	129.561	211.011	73,9%	54,0%	95,7%
6	Huyện Nga Sơn	177.532	110.000	67.532	173.239	119.129	54.110	97,6%	108,3%	80,1%
7	Huyện Hậu Lộc	250.370	180.000	70.370	205.336	164.732	40.604	82,0%	91,5%	57,7%
8	Huyện Hoằng Hóa	796.372	650.000	146.372	624.469	535.185	89.284	78,4%	82,3%	61,0%
9	Huyện Quảng Xương	1.183.799	1.060.000	123.799	380.933	310.087	70.846	32,2%	29,3%	57,2%
10	Huyện Nông Cống	281.618	180.000	101.618	209.489	97.834	111.655	74,4%	54,4%	109,9%
11	Huyện Đông Sơn	693.873	603.000	90.873	1.112.910	1.035.574	77.336	160,4%	171,7%	85,1%
12	Huyện Triệu Sơn	426.036	300.000	126.036	387.921	299.788	88.133	91,1%	99,9%	69,9%
13	Huyện Thọ Xuân	398.907	270.000	128.907	311.362	220.582	90.780	78,1%	81,7%	70,4%
14	Huyện Yên Định	354.235	200.000	154.235	155.691	75.266	80.425	44,0%	37,6%	52,1%
15	Huyện Thiệu Hóa	261.681	180.000	81.681	468.257	418.016	50.241	178,9%	232,2%	61,5%
16	Huyện Vĩnh Lộc	183.567	130.000	53.567	95.806	68.091	27.715	52,2%	52,4%	51,7%
17	Huyện Thạch Thành	148.601	80.000	68.601	91.044	38.972	52.072	61,3%	48,7%	75,9%

Số TT	Đơn vị	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024								
		Dự toán thu NSNN năm 2024			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024			So sánh thực hiện/dự toán (%)		
		Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thu nội địa còn lại	Tổng cộng	Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thu nội địa còn lại	Tổng số	Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thu nội địa còn lại
18	Huyện Cẩm Thủy	107.384	35.600	71.784	87.338	17.682	69.656	81,3%	49,7%	97,0%
19	Huyện Ngọc Lặc	95.644	27.000	68.644	54.900	5.700	49.200	57,4%	21,1%	71,7%
20	Huyện Như Thanh	144.800	80.000	64.800	67.064	33.958	33.106	46,3%	42,4%	51,1%
21	Huyện Lang Chánh	19.225	500	18.725	12.591	1.215	11.376	65,5%	243,0%	60,8%
22	Huyện Bá Thước	53.279	3.000	50.279	77.620	43.472	34.148	145,7%	1449,1%	67,9%
23	Huyện Quan Hóa	82.514	600	81.914	30.606	655	29.951	37,1%	109,2%	36,6%
24	Huyện Thường Xuân	109.140	30.000	79.140	51.708	2.479	49.229	47,4%	8,3%	62,2%
25	Huyện Như Xuân	94.871	50.000	44.871	55.871	16.170	39.701	58,9%	32,3%	88,5%
26	Huyện Mường Lát	7.408	50	7.358	5.388	915	4.473	72,7%	1830,0%	60,8%
27	Huyện Quan Sơn	14.347	250	14.097	9.669	598	9.071	67,4%	239,2%	64,3%

Biểu số 5: KẾT QUẢ GPMB CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số 136 /BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Ha.

Số TT	Tên dự án	Chỉ tiêu theo Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh			Kết quả thực hiện đến ngày 15/6/2024				Tỷ lệ kết quả thực hiện (%)
		Số dự án	Diện tích dự án	Diện tích GPMB năm 2024	Đã ký cam kết GPMB	Đo đạc, kiểm kê	Phê duyệt phương án bồi thường	Chi trả tiền bồi thường	
	Toàn tỉnh	778	6.044,2	2.166,9	2.105,3	2.106,7	1.811,9	1.582,7	73,04
	Dự án đầu tư công	627	2.490,6	1.056,1	992,3	921,5	756,9	626,0	59,28
	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	151	3.553,7	1.110,8	1.112,9	1.185,1	1.055,0	956,7	86,12
1	Thị xã Nghi Sơn	59	1.624,8	386,7	326,7	350,1	224,8	207,2	53,59
-	Dự án đầu tư công	42	465,9	184,2	137,7	158,1	91,0	56,3	30,59
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	17	1.158,9	202,5	189,0	192,0	133,9	150,9	74,52
2	Huyện Quảng Xương	23	350,0	172,2	172,2	161,7	161,6	139,6	81,05
-	Dự án đầu tư công	11	49,1	39,9	39,9	31,8	31,8	29,8	74,61
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	12	300,9	132,4	132,4	129,9	129,8	109,8	82,99
3	Huyện Nga Sơn	23	123,2	60,4	62,9	71,8	63,6	58,7	97,14
-	Dự án đầu tư công	21	77,5	41,1	25,1	29,0	23,5	18,6	45,18
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	2	45,7	19,3	37,8	42,8	40,1	40,1	207,77
4	Huyện Thiệu Hóa	22	156,4	151,7	153,3	139,2	139,2	132,8	87,54
-	Dự án đầu tư công	17	64,6	64,5	64,6	50,5	50,5	44,1	68,37
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	5	91,8	87,2	88,7	88,7	88,7	88,7	101,72
5	Thành phố Sầm Sơn	17	301,9	52,2	52,2	60,6	56,0	40,7	77,89
-	Dự án đầu tư công	15	122,1	32,7	32,7	41,1	36,5	28,4	86,62

Số TT	Tên dự án	Chỉ tiêu theo Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh			Kết quả thực hiện đến ngày 15/6/2024				Tỷ lệ kết quả thực hiện (%)
		Số dự án	Diện tích dự án	Diện tích GPMB năm 2024	Đã ký cam kết GPMB	Đo đạc, kiểm kê	Phê duyệt phương án bồi thường	Chi trả tiền bồi thường	
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	2	179,8	19,5	19,5	19,5	19,5	12,3	63,23
6	Huyện Hà Trung	51	460,9	55,8	55,8	84,7	75,0	53,1	95,20
-	Dự án đầu tư công	44	194,1	23,1	23,1	16,8	8,7	8,7	37,57
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	7	266,8	32,7	32,7	67,9	66,3	44,5	135,96
7	Huyện Thạch Thành	16	100,2	67,0	67,0	61,1	40,1	40,1	59,89
-	Dự án đầu tư công	14	55,2	31,0	31,0	25,1	12,3	12,3	39,49
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	2	45,0	36,0	36,0	36,0	27,9	27,9	77,49
8	Thành phố Thanh Hóa	20	602,1	85,8	85,8	96,8	82,7	43,2	50,31
-	Dự án đầu tư công	10	200,4	33,6	33,6	37,1	24,8	17,8	52,89
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	10	401,7	52,2	52,2	59,7	57,9	25,4	48,65
9	Huyện Ngọc Lặc	6	55,3	55,3	55,3	54,9	43,0	43,0	77,67
-	Dự án đầu tư công	3	11,6	11,6	11,6	11,1	8,9	8,9	77,06
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	3	43,8	43,8	43,8	43,8	34,1	34,1	77,83
10	Huyện Lang Chánh	5	68,7	65,8	65,8	63,8	50,7	46,7	71,01
-	Dự án đầu tư công	2	1,9	1,9	1,9	0,0	0,0	0,0	0,00
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	3	66,8	63,8	63,8	63,8	50,7	46,7	73,17
11	Huyện Yên Định	49	85,1	71,0	71,0	64,5	60,5	60,5	85,18
-	Dự án đầu tư công	39	56,4	47,1	47,1	38,4	34,4	34,4	72,95
-	Dự án của doanh nghiệp	10	28,7	23,9	23,9	26,1	26,1	26,1	109,35
12	Huyện Như Thanh	31	117,4	80,8	80,8	63,2	56,3	56,3	69,74

Số TT	Tên dự án	Chỉ tiêu theo Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh			Kết quả thực hiện đến ngày 15/6/2024				Tỷ lệ kết quả thực hiện (%)
		Số dự án	Diện tích dự án	Diện tích GPMB năm 2024	Đã ký cam kết GPMB	Đo đạc, kiểm kê	Phê duyệt phương án bồi thường	Chi trả tiền bồi thường	
19	Huyện Mường Lát	14	52,5	31,5	37,6	24,1	16,0	16,0	50,86
-	Dự án đầu tư công	14	52,5	31,5	37,6	24,1	16,0	16,0	50,86
-	Dự án của doanh nghiệp								
20	Huyện Quan Hóa	11	41,8	19,6	19,6	11,8	11,8	11,8	59,99
-	Dự án đầu tư công	11	41,8	19,6	19,6	11,8	11,8	11,8	59,99
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp								
21	Thị xã Bỉm Sơn	14	155,0	53,0	53,0	41,5	35,6	35,2	66,42
-	Dự án đầu tư công	8	39,9	17,4	17,4	10,6	9,7	9,3	53,54
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	6	115,1	35,6	35,6	30,9	25,9	25,9	72,74
22	Huyện Bá Thước	21	8,0	8,0	8,0	7,9	7,9	6,5	80,90
-	Dự án đầu tư công	21	8,0	8,0	8,0	7,9	7,9	6,5	80,90
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp								
23	Huyện Cẩm Thủy	16	67,5	55,1	55,1	43,6	41,2	41,1	74,62
-	Dự án đầu tư công	13	31,7	25,1	25,1	13,6	12,1	12,1	48,21
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	3	35,8	30,0	30,0	30,0	29,0	29,0	96,73
24	Huyện Hoằng Hóa	62	125,7	73,6	73,6	62,7	55,9	55,5	75,43
-	Dự án đầu tư công	52	96,3	56,6	56,6	45,9	40,1	40,0	70,57
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	10	29,4	17,0	17,0	16,8	15,8	15,6	91,69
25	Huyện Hậu Lộc	23	111,9	58,7	58,7	53,2	41,6	41,6	70,85
-	Dự án đầu tư công	19	61,1	30,6	30,6	30,4	27,5	27,5	89,83

Số TT	Tên dự án	Chỉ tiêu theo Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh			Kết quả thực hiện đến ngày 15/6/2024				Tỷ lệ kết quả thực hiện (%)
		Số dự án	Diện tích dự án	Diện tích GPMB năm 2024	Đã ký cam kết GPMB	Đo đạc, kiểm kê	Phê duyệt phương án bồi thường	Chi trả tiền bồi thường	
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	4	50,8	28,2	28,2	22,9	14,2	14,2	50,27
26	Huyện Vĩnh Lộc	32	108,0	61,7	61,7	49,9	49,0	42,2	68,40
-	Dự án đầu tư công	25	33,5	14,8	14,8	7,2	7,2	5,7	38,78
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	7	74,5	46,9	46,9	42,7	41,7	36,5	77,74
27	Huyện Thọ Xuân	55	501,9	60,4	60,4	129,9	118,1	104,6	173,21
-	Dự án đầu tư công	48	236,7	38,9	38,9	61,4	54,1	44,5	114,57
-	Dự án đầu tư của doanh nghiệp	7	265,2	21,5	21,5	68,5	64,0	60,0	279,21